TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ

RA HÀNG TUẦN

Tòa báo và nhà in : 70, phố Bạch-Mai
Ty trị-sự : 195, phố Hàng Bông — Hanoi

TRONG SỐ NÀY :

* Quốc sử ngày nay . . . — *Hoa-Bằng*
* Quyển « Thi văn bình chú » (VIII) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Bài thơ « Từ thủa vương xe. . . » — *Thọ-Xuân*
* Tiểu học Đông-dương (I) — *Nguyễn Nhân*
* Phê-bình « Quán biên thùy » — *Hội-Thống*
* Phạm-Thái (kịch dài bằng thơ, IV) — *Phan-khắc-Khoan*
* Tục hỏa táng của người Thổ — *Đỗ-hoàng-Lạc*
* Trung-quân Nguyễn-văn-Trương (Hết) — *Nguyễn Triệu*
* Gốc tích loài người — *Ứng-Hoè*
* Đọc sách : Le paysan tonkinois. . . — *Nhật-Nham*
* Đêm hội Long-trì (Tiểu thuyết, XX) — *Nguyễn-huy-Tưởng*

Năm thứ ba — Số 97
Thứ năm, 27 Mai 1943

0$20

QUỐC SỬ NGÀY NAY ĐÃ ĐƯỢC

các bạn thanh-niên

ĐẶC-BIỆT CHÚ Ý

HOA-BẰNG

SÁNG 16 Mai 1943, nhân đi dự thính cuộc diễn thuyết do anh em trong Tổng-hội sinh-viên trường Đại-học tổ-chức (1), tôi nhận thấy các bạn thanh-niên ngày nay đã có một khuynh-hướng rõ rệt, khuynh hướng về môn học lịch-sử — lịch-sử Việt-nam — mà trước đây phần đông vẫn hay hững-hờ xao-lãng.

Chứng thực sự thờ-ơ đối với Quốc-sử của thời xưa đó, tôi xin trích dịch mấy câu trong bài tựa của cụ Đào Nguyên-Phổ đề ở bộ *Việt-sử tân ước toàn biên* (2) của cụ Hoàng Đạo Thành : «...Các triều-đại từ trước đến giờ, nhà trường dạy học, khoa-cử lựa người, ngoài Kinh, Truyện ra, dường như vẫn xao-lãng đối với Quốc sử. Đó thật là cái khuyết điểm lớn trong cối học hàng nghìn trăm năm vậy.» (*Đại Việt sử ước*, quyển trên, tựa, tờ 3 a).

Quả thế, trước khi cải-lương phép thi hương, tức là trước khoa Kỷ-dậu, niên-hiệu Duy-tân thứ ba (1909), từ trường học đến trường thi, người ta chỉ trú trọng vào Bắc-sử ; ra đầu bài : ở Bắc-sử ; làm văn thi : cũng mỏ ở Bắc-sử ; ít để ý đến Nam-sử là môn quan-hệ đến quốc-kế dân-sinh của người mình.

Đây, một chứng-cớ :

Trong đề mục kỳ đệ tam khoa Canh-tí (năm Thành-thái thứ mười hai, 1900) ở trường Hà-nam có hỏi sĩ-tử về sử Tàu :

«...(*Trương - Lương*) *nhức đánh ở Sa-trung, việc ấy hầu như một lối kiêu-hành : theo chơi với Sích-Tùng, làm vậy chẳng qua là chuyện hoang-đán. Thế mà có kẻ khen là hiệp-sĩ biết nghĩa, là sách-sĩ biết cơ, thì không biết bình-giá do đâu mà nói thế ?*

« *Tiền-nho có lời luận rằng : Kẻ sĩ đời Đông-Hán qui tiết nghĩa mà không thông thời-biến ; kẻ sĩ đời Đông-Tấn vui điềm-khoáng (điềm đạm và phóng-khoáng) mà không hợp thực-dụng. Nhưng xét : bấy giờ có hạng minh-triết như Quách-Thái, có hạng kiên cơ như Thân-Đồ, có hạng chăm làm như Đào-Khản, có hạng thành công trong việc ứng dịch như Tạ-An, thế thì lời bàn ấy của tiên-nho có hẳn đủ gọi là định binh ?*»... (Trích dịch trong cuốn *Hà-nam hương thí văn tuyển*, Gia-liễu đường in mộc bản năm Thành-thái thứ mười hai, 1900, tờ 45 b — 46 a).

Xin nhớ : khoa Canh-tý ấy đã là năm 1900 rồi, thế mà trong văn khoa cử, ngoài môn sử Tàu, người ta vẫn không đả-động gì đến Quốc-sử, thì hạng thanh-niên theo đuổi cử-nghiệp đương thời còn ai mấy khi ngó đến cuu đến Trưng Chắc, Trưng Nhị, Ngô Quyền, Lê Lợi...!

Ba năm qua. Đến khoa Qui-mão, niên hiệu Thành-thái thứ mười lam (1903), đầu bài thi hương trường Nam, kỳ thứ ba, cũng vẫn còn hỏi Bắc-sử :

«...*Về sau, đến Hán, Đường, có bốn ông vua thông nhất được thiên-hạ đều là những người do có lòng không hiểu sát mà làm nên cả. Thế sao chỉ riêng Hán Cao được xưng là « việc làm nhân-nghĩa » và Tống Tổ được khen là « có rộng lòng nhân ?...*» (Trích dịch trong cuốn *Nam-trường Qui-mão khoa văn*, mộc bản của Gia-hiền thư đường, in năm Thành-thái thứ mười lam, 1903, tờ 18 b—19 a).

Nhắc lại một chút sử liệu như vậy, tôi chỉ muốn tỏ rằng trước đây độ 40 năm, người mình, nhất là phái thanh-niên cử-tử, đã hững hờ với lịch sử Việt-nam là thế !

Nhìn vào giới tân-học hồi ấy, nói cho đúng, phần nhiều cũng vẫn bộ óc khoa-cử di-truyền, người ta thường nhớ những trận thang-lợi của Alexandre le Grand, cuộc cải-cách có hiệu quả của Pierre le Grand hay ngày sinh, ngày mất của Charlemagne hơn là trận Bạch-đằng đánh thắng giặc Hoằng-Thao, việc vua Lê

Thánh-tông tổ-chức nội-trị ngoại nhương, hoặc ngày vua Quang-trung đại phá 20 vạn quân Tôn Sĩ-Nghị...

Đến đấy, không ngờ lời vua Tự-đức (1848 — 1883) vẫn còn đúng: «...*Không chịu gảy khúc Nam-âm, động tỷ lại trưng Bắc-sử, dầu là việc bất-đắc-dĩ phải làm, mà thực cũng bởi tự mình buộc lấy ! Than ôi, Tịch-Đàm quên tổ,. . . . . dễ đâu không để tiếng cười về sau ?* » (Trích dịch bài tựa quyển *Ngự chế Việt-sử tổng vịnh*).

***

Thời-thế đã dạy ta nhiều bài học. Sự kích-thích bề ngoài đã lay tỉnh hồn ta trong giấc mơ-mộng ly-bi...

Người ta đã nhận thấy cái nạn « đứt gốc » là một họa lớn ! Thanh niên đã giật mình nhìn lại quê-hương.

Vì thế, gần đây đã dường như nhóm lên phong-trào sử-học.

Trên những trang sách báo, cũng như trong những cuộc nói chuyện, các bạn thanh-niên thường đã để tâm đến sử-học, đặc-biệt chú-ý đến lịch-sử nước nhà.

Để làm bằng-chứng, tôi xin trích dẫn mấy đoạn trong bài diễn văn hôm 16 Mai 1943 của ông Đặng Ngọc Tốt nói về Nam-sử :

« ... *Hai bà Trưng là người thế nào ?*

« *Đời này người ta nhắc mãi đến hai bà Trưng, quen quá hồ thành một câu sáo mà chả còn nghĩa gì. Ta nên biết rằng từ cuối nhà Triệu đến đầu Tây lịch kỷ nguyên, cả một giống dân ta-thán dưới cái chính-sách khắc-nghiệt của người Tàu. Thời-kỳ còn hỗn mang để tự-do cho sự tàn bạo, thì cái thân chiến bại còn biết chẻ-chở vào đâu. Quen nô-lệ quá sinh hèn, sợ tàn bạo quá sinh nhát, giá không có cái phẫn-uất của hai bà Trưng thì cái khí thiêng Hồng-Lạc còn phải chịu tiêu tán bao lâu.*

« *Nâng cao cái chí suy đồi của một giống dân, gieo vào lòng muôn người đang khủng khiếp một cái sức phấn đấu và tự tin, nêu lại đời sau một cái gương khí-nghĩa, đem lại cho non sông mấy năm độc-lập, muôn đời như kêu gọi thúc giục các cái chí ươn hèn, đó mới thật là công-nghiệp của Trưng - Vương ; không phải cái công nghiệp trong nhất thời mà như là một lời khuyến-khích suốt kim cổ.*

« *Sau đôi bà Trưng, còn một vị thiếu-niên anh-hùng, khí-phách có phần dằng mãnh hơn, mà tinh - thần thời vô cùng oanh-liệt.*

« *Triệu-Âu năm hai mươi tuổi, giết trừ người chị dâu ác-nghiệt, bỏ vào rừng chiêu mộ binh sĩ để làm cái việc kinh-thiên sau này. Sau hai năm, khởi đại nghĩa đánh đổ quân Tàu giúp anh. Sau sáu tháng tranh - hùng, đem một cái chết mà đền nợ nước. Một đời bà có 23 năm mà nước non hơn mười thế-kỷ vẫn còn nhắc đến một câu khí-khái : « Tôi muốn cỡi cơn gió mạnh, đạp đường sóng dữ, chém cá tràng kình ở bể Đông, quét sạch bờ-cõi để cứu dân ra khỏi nơi đắm đuối ».*

« *Một cái lời ấy do ở một người con gái Việt-nam thốt ra mà lịch-sử Việt-nam gìn-giữ kỹ-lưỡng suốt thời gian, thật là diễn-tả rất xác-đáng cái tinh-thần và cái chức-vụ của bọn tuấn-kiệt muôn đời. Có phải chăng giòng-giống ta phải là một giòng-giống bất-diệt mới sản-xuất ra được những người có cái chí quật-cường chưa biết chịu khuất bao giờ chăng ?*

« ... Dưới lược... »

***

Đó là một thiết-chứng : thanh-niên ngày nay đã yêu chuộng Quốc-sử. Đó là một trưng-triệu thanh-niên ngày nay đã quay về với những cái căn-bản của ông cha.

Nhưng, tôi cần phải thêm : Đối với những bậc vĩ-nhân trong nước, ta nay nhắc nhở đến, kỷ-niệm đến, là cốt để tỏ lòng mến đức nhớ ơn và, luôn dịp, để người mình biết rằng dân-tộc ta cũng có nhiều cái khả-năng-tính, không đến nỗi là một dân tộc đớn-hèn, thì ta cũng nên thời-thường chăm lau tấm gương lịch-sử cho khỏi mờ-ám. Song ta đừng ôm cái quan-niệm cũ về sử-học mà cho rằng cuộc tiến-hóa của một dân-tộc là cầm nằm ở trong tay một số ít người, một vài vĩ-nhân. Thật ra bộ máy tiến hóa chung là do đại đa số cùng quay để cho chuyển động, chứ không thể riêng trông vào sức một người nào, mặc dầu người ấy là một vĩ nhân. Cho nên Lamprecht, nhà sử-học Đức, chủ-trương rằng cái nguyên động-lực của tiến-trình lịch-sử là ở toàn-thể xã-hội, chứ không phải ở thiểu số anh-hùng

HOA-BẰNG

---

1) Diễn tại rạp Olympia, Hanoi (Dương Đức Hiền, Đội-trưởng tổng hội sinh viên, nói « Lời mở đầu » ; ông Đặng Ngọc Tốt, sinh-viên ban Y-học, nói về vấn đề « Con đường của Thanh-niên ».

2) Bản khắc gỗ, năm bính ngọ (1906) nhà áng hiên số 24, hàng Đào, Hà nội đã in và tàng bản.

QUYỂN THI VĂN BÌNH CHÚ

Số 8

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

VI. — Phan-thanh-Giản

Cụ Phan-thanh-Giản sinh năm bính thìn 1796 (ông Ngô Tất-Tố chép nhầm là sinh khoảng cuối đời Chiêu thống nha Lê). Năm 31 tuổi, đỗ đầu tam-giáp đồng tiến-sĩ khoa bính tuất năm Minh-mạng thứ bảy (1826), do chân cử-nhân khoa ất-dậu 1825 (chép theo *Quốc-triều hương khoa*, quyển 1, tờ 59, và *Quốc-triều khoa bảng lục*, quyển 1, tờ 2 b).

« Tên tự là Tĩnh-bá, lại một tên tự nữa là Đạm-như ; tên hiệu là Lương-khê, biệt-hiệu là Mai-xuyên.

« Tiên-tổ là người Tàu, cuối đời Minh sang nước Nam, làm nhà ở tỉnh Bình-định. Đến hồi Tây sơn đem cả nhà vào ở làng Vĩnh-bình, tỉnh Vĩnh-long (đây là dịch theo *Đại-Nam chính-biên liệt truyện*, nhị tập, quyển 26, tờ 21 b ; còn *Quốc-triều khoa bảng lục*, quyển 1, tờ 2b, thì nói là người thôn An-hòa, làng Vĩnh-bình, tỉnh Vĩnh-thanh ; đến năm Minh-mạng thứ 12 (831), vì kiêng tên làng nói đổi là Vĩnh-long)

« Cụ Phan-thanh-Giản lúc nhỏ có tiếng văn-học. Năm Minh-mạng thứ bảy (1826) đỗ tiến-sĩ đầu [illegible]n ở Nam-kỳ. Từ hàm Hàn-lâm-[illegible]n biên-tu dần dần thăng lang [illegible]ng bộ Hình, ra làm tham-hiệp [illegible]ng bình, (chỗ này ông Ngô [illegible]-Tố chép sai cả).

« Năm Minh-mạng thứ chín [illegible]828) quyền nhiếp công việc trấn Nghệ-an, chưa được bao lâu lại về Quảng-bình.

« Năm Minh-mạng thứ mười (1829) thụ-chức phụ-doãn phủ Thừa-thiên. Khi vào trầu vua, vì trước cụ ở Nghệ an, nên vua mới hỏi đến việc Trấn-ninh. Cụ thưa rằng : « Trấn-ninh cũng là một điều lo ở ngoài biên, nếu không nhân lúc chưa hiện hình ra mà trị ngay đi, để ngày sau thế đã thành thì tốn công mà càng khó ». Vua nói rằng : Trị ngay lúc chưa hiện hình, thì sức ít mà dễ thành công ; lo việc lúc đã phát rồi, thì dùng sức gấp đôi mà thành cũng lại khó. Nha ngươi nói chính hợp ý trẫm »

« Rồi chuyển thăng thị-lang bộ Lễ, làm việc Nội các, lại đổi hiệp-trấn Ninh-bình.

« Năm Minh-mạng thứ 12 (1831) đổi vào Quảng-nam. Gặp bấy giờ có giặc mọi (ác-man) đến cướp phá Thiên-đàng. Cụ Phan-than-Giản dem quân đến dẹp : giặc đánh úp lại, quân ta bị thua. Cụ bị tội cách chức, nhưng được cố sức chuộc tội.

« Năm Minh-mạng thứ 13 (1832) được khởi phục hàm kiểm-thảo, sung chức hành-tẩu Nội-các, rồi thang viên-ngoại-lang bộ Hộ, thự chức phủ-thừa phủ Thừa-thiên, lại được thăng hồng-lô tự-khanh, sung chức phó-sứ sang Tàu ; đến khi về, được thăng đại-lý tự-khanh, kiêm công việc bộ Hình, sung Cơ-mật-viện đại-thần.

« Năm Minh-mạng thứ 16 (1835), khâm mạng đi Trấn-tây công-cán ; lúc về, qua Bình-thuận, ở lại đánh man-phỉ, dẹp được yên cả. Đổi sang bố-chánh Quảng-nam, quyền ấn tuần-phủ quan-phòng.

« Mùa xuân năm Minh-mạng thứ 17 (1836) vua cho là Nam Bắc yên-ổn, triều-đình nhàn-hạ, xuống chiếu đến tháng năm năm ấy, vua ngự-giá Quảng-nam. Cụ Phan-thanh-Giản có bài trần tấu đại ý nói : « Nếu vua đi tuần-thú, bạt-dân nghe tiếng ai là chẳng vui mừng ? Nhưng mùa hạ nam nay lúa kém ; khoảng tháng tư tháng nam lại đương mùa cày trồng, nếu phai một phen cung ứng, « ngó bên này mất bên kia » (cố thử thất bỉ), xin hãy tạm đình để dân chuyên về việc làm ruộng ». Vua xem lời tâu không bằng lòng, bảo các quan viện Cơ-mật rằng : « Thanh-Giản có ý dem việc Mạnh-Kha đáp lời Tề-vương chê ta », rồi đình việc đi tuần-thú, phái ngự-sử Vũ-duy Tân đi trước để dò-thám. Đến khi Vũ-duy-Tân về, tâu rằng : « Dân đều mong vua đi tuần thú », lại phát-giác được những việc quan tỉnh bỏ chễ, quan lại nhũn-tệ. Cụ Phan-thanh-Giản bị giảm làm lục-phẩm thuộc viên, cho ở tỉnh Quảng nam để cố sức chuộc tội. Mới hai tháng được thăng thừa-chỉ Nội-các, chuyển làm lang-trung bộ Hộ, coi công việc bộ, rồi thăng thự thị-lang, sung Cơ-mật-viện đại-thần.

« Năm Minh-mạng thứ 19 (1838), phụng mệnh đi Hà tĩnh, Nghệ-an và Thanh-hóa duyệt binh, xong việc trở về, chuyên làm việc bộ Hộ. Vừa gặp các quan địa-phương dâng sớ về tâu : có việc thuộc về bộ Hộ, đã phụng châu-phê, quên dùng quốc-bửu (tức là đóng ấn của vua). Cụ

Phan-thanh-Giản vừa là bộ-thần, lại gặp phiên trực, quên không kiểm, bị giáng làm lang-trung, làm việc bộ Hộ. Rồi phụng mệnh phải đi đến phần rừng Chiên-đàn, tỉnh Quảng-nam, thuê thợ vàng (kim-hộ) đi nhặt kim-sa : cụ nói là việc khó. Vua lại đổi đi Thái-nguyên khai mỏ bạc. Cụ tâu hai mỏ bạc ở núi Tống-ngân và Ngân-sơn, trông ngân-khí chưa lấy gì làm phong-vượng, nhặt không được mấy nỗi.

« Mùa đông, năm Minh-mạng thứ 20 (1839), vua thương tình sai ra ngoài đã lâu ngày, vời về, đổi làm chức Thông-chính sứ-ty phó-sứ, rồi chuyển làm thị-lang bộ Hộ. Lúc bấy giờ, Nhâm-hữu-Quang vì trần tấu càn-rỡ, vua giao triều-thần nghĩ xử, các quan muốn khép tội nặng. Cụ Thanh-Giản và Hữu-quang là người cùng làng, nên mới nghĩ xử nhẹ tội. Vua ghét như thế là có bè-đảng, lại tả-thiên xuống chức Thông-chính phó-sứ, hộ-lý công việc thương trường.

« Năm Minh-mạng thứ 21 (1840) sung chức phó chủ-khảo trường Thừa-thiên, có cử-nhân là Mai-trúc-Tùng làm bài phú trùng vần : bộ Lễ duyệt lại ; cụ Phan-thanh-Giản vì chấm không tinh, bị giáng một bậc. Chưa bao lâu, lại thăng thị-lang bộ Binh.

« Năm Thiệu-trị thứ nhất (1841) thăng tham-tri, lại kiêm việc viện Cơ-mật.

« Tháng hai năm Thiệu-trị thứ ba (1843), có một đường trắng (bạch-khí) ngang giời. Vua ban chiếu cầu trực-ngôn. Cụ Phan-thanh-Giản dâng sớ, đại lược nói rằng : « Người ta trong khoảng trời đất rất nên sợ. Ngôi của thánh-nhân là ngôi trời, dân của thánh-nhân thống-trị là dân trời, đạo của thánh-nhân là đạo trời. Có gì khác nữa đâu ? Chỉ ở lòng đứng thánh-nhân mà thôi. Lòng ấy nghĩ khi làm ra việc gì đều hợp với lẽ trời, cho nên phải cẩn-thận lúc chưa trông thấy, sợ-hãi lúc chưa nghe tiếng. Từ chỗ vi-ẩn đến chỗ rõ-rệt, từ mình khắp ra đến dân, không một việc gì là không hợp với lẽ trời, thì dân được nhờ để sống, mà trời sẽ giáng phúc cho. Nay Hoàng-thượng mới nối ngôi trời, rất là thành với trời đất quỉ thần, hiếu với tổ tiên cha mẹ, một lòng kính-cẩn sợ-hãi. Người dâng thư nói việc, được ban khen lụa mùi, người dâng sớ nói quan, được thưởng bó lụa, ơn lớn thấm khắp thần dân, đức cả khắp ra bốn bể, đáng được lòng trời thương đến, thưởng ra điềm tốt mới phải. Thế mà còn có khí dữ lưu-hành, tượng trời để dan-bảo. Hoặc giả đường ngôn-lộ tuy đã mở, mà tình dưới vẫn khó thông lên, việc quyên-xá tuy hậu, mà ơn trên vẫn khó thấu xuống. Cái lòng khải ốc của đại-thần (nở lòng đại-thần để rửa lòng vua) còn có lòng nghĩ lo xa ngỏ lại, các ty-mục ở địa-phương không để ý đến việc lợi hại của sinh-dân, mà thế chăng ? Gần đây phương tây có việc, bờ cõi chưa yên, việc quân-lữ bận rộn, thành ra sinh-dân ít thỏa. Vậy xin sau khi muôn việc thong-thả, tuyên triệu nam ba người kỳ-thạc trong nước, hỏi về việc trong nước, mưu ngoài biên, cùng nhau bàn-bạc, việc đều xác-đáng. Lại thân dụ các quan trong ngoài : phàm những điều khổ sở của dân-gian, đều cho nói hết. Sau rồi chọn điều phải mà thi hành, thì lại-tệ được sạch đi, binh đều thực dụng, việc phòng ngừa ở ngoài biên được mạnh-mẽ, mà thế nước mỗi ngày được tôn lên. »

« Vua khen lời nói của cụ Phan thanh-Giản là phải. » (Dịch trong *Đại-Nam chính biên liệt truyện* nhị tập, quyển 26, tờ 21 b 25 a).

(Con nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN TỐ

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

Những thành-ngữ và từ ngữ của ta trong các thơ văn xếp đặt sại thành một pho từ điển, *rất tiện cho sự tra cứu trong khi đọc ách và nhất là cho các học-sinh học khoa quốc-văn trong các trường.*

của Long-Điền NGUYỄN VAN MINH

Tựa của Cụ Đốc Ô-Nhu NGUYEN VAN NGỌC

Sách khổ rộng 16 × 25 ngót 400 trang

Giá bán lẻ . . . . . 5$00

Vị nào gửi tiền đặt mua trước ngày 1er Mai 1943, xin biếu 10 %. cước phí không phải chịu.

Những giáo sư các trường công tư, đặt tiền mua trước từ 10 quyển trở lên xin biếu 20 %. cước phí không phải chịu.

Thư và ngân phiếu xin gửi và đề rõ :

Ô. Quảng-vạn-Thành { *16, Phố Lê Lợi HANOI*
51, Doumer — HAIPHONG

LẠI BÀI THƠ

« Từ thuở vương xe... »

của PHAN-THANH-GIẢN

LÊ-THỌ-XUÂN

Từ thuở vương xe mối chỉ hồng,
Tình (1) nầy ghi tạc có non sông.
Đường mây cười kẻ (2) ham dong-ruổi,
Trướng liễu thương ai chịu lạnh-lùng.
Ơn nước, nợ trai, đành nỗi bận (3),
Cha già, nhà khó, cậy nhau cùng.
Mấy lời dặn-nhủ khi làm biệt,
Rằng nhớ, ràng quên lòng hỡi lòng?

Theo « *Thi-văn Bình-chú* » II của Ngô-tất-Tố tiên-sinh, trang 125, thì tựa bài thơ nầy là « *Ký nội* ». Trong *Tri-Tân* số 89, ông Trực-Thần đem cân nhắc chữ *bận* với chữ *phận* mà các bản chép sai nhau để đưa bài thơ về gần nguyên-tác. Rồi ông có chua rõ : « Trong những sách thi hiệp tuyển trong Nam, bài ấy « Ký nội », lấy tựa là « *Từ-giã vợ đi làm quan* ».

Mà chính Ngô tiên-sinh cũng chú là « trong khi tác-giả ra Huế làm quan », cũng như tiên-sinh lại chú « Ngao-châu là cồi của Ngao, chỉ về những xứ loạn-lạc « cương-trường là bờ cõi » ở trang 128. Và cũng như tiên-sinh viết « *Như Tây hành-trình* » là của Phan-thanh-Giản. Và cũng như... Và cũng như...

Đây chỉ xin bàn giải xem ta nên để tựa bài thơ nầy là « *Ký nội* » hay « *Từ giã vợ đi làm quan* » và hơn nữa, ta cùng nhau xét xem cụ Phan-Lương-Khê làm bài thơ nầy ở lúc nào.

Ngoài mấy lời của ông Trực Thần, tôi xin chép thêm câu nầy trong «*Phan thanh Giản truyện*» của ông Thái-hữu-Võ ở trang 6 :

« Khi ngài mắc đi làm quan lâu về thì ngài có gởi thơ về thăm cha, và gửi thăm bà (4) một bài thi như vầy :

« *Từ thuở...* »

Ở bài tựa ông Thái nói trước khi làm quyển sách nầy, ông có hỏi ông Phan-Hương, con trai lớn cụ Phan, ông Hồ-ngọc-Phụng, bạn học hồi nhỏ của cụ Phan (khi cụ Phan xuất sĩ, việc trong nhà bà Phan hay sai bảo ông) và ông Bùi-tấn Đức, người đi theo điếu đẩy hầu hạ cụ Phan đến khi cụ Phan từ lộc ông mới trở về nhà.

Ông Thái làm việc như vậy đã kỹ lắm rồi. Tuy nhiên, trên đời có được bao nhiêu hòn ngọc không tì ! Quyển sách của ông chứa nhiều chỗ sai lầm nhứt là về bài thơ đương nói đây.

Trong *Tri-Tân* số 4 (24-6-41), tôi đã viết một đoạn, đại-ý nói rằng *theo tôi nghĩ* nếu bài thơ nầy là của cụ Phan đưa cho bà Trần-thị-Hoạch thì cụ phải làm lúc cha đã qua đời, lúc mãn-hạn đình-gian, cụ phải về Kinh lãnh việc vì bà nầy trọn đời không có gặp mặt cha chồng và chỉ thay cụ Phan để gìn-giữ bát nước vùa hương ở Bảo-thạnh. Có vậy bài nầy mới đúng là « từ-giã vợ đi làm quan », nhưng hai chữ « *cha già* » ở đây phải có nghĩa là « lo cúng cha đã già », nghĩa là đã chết. (Trong Nam hay dùng chữ « già » để chỉ là « chết ».)

Đó chỉ là phỏng-đoán, còn cần phải tìm cho rõ nguyên-ủy, nhiên-hậu mới dám gọi là chắc-chắn. Tôi gia-tâm tìm hỏi mãi. Nay tôi đã được toại lòng, vậy xin kính trình bạn đọc.

Trước hết, tôi xin mời các bạn ngâm bài thơ « *Biệt gia* » sau nầy của tôi nhờ Trúc-Khê tiên-sinh dịch giùm rất lưu-loát và xác nghĩa :

Giã nhà

Ta sinh nhà vốn nghèo,
Lòng mến ưa cổ đạo.
Đèn sách công mười năm,
Không chí ở cơm áo.
Tú-mú học một mình,
Hiểu biết chỉ mỗ-mãng.
Dám nghĩ gì xiêm đai,
Nghe, thấy mong ràng-rạng.
Không ngờ thi lại đỗ,
Thần-châu nghìn dặm xa.
Lệ thầm rơi thánh-thót,
Lúc bái biệt cha già.
Nghiêm-huấn lời ban xuống :
« Nối chí, đạo làm con.
Ra đi chớ buồn tủi,

Thư-từ sẽ gửi luôn.
Em mày dẫu ngây-ngốc,
Nhà không công việc cần,
Cho nó đi theo với,
Chân tay hoặc đỡ-đần.»
Cô già bảy mươi tuổi,
Đau yếu chẳng lìa giường,
Nghe ta đến cáo biệt,
Lặng lẽ lòng ngùi thương.
Anh họ có hai người,
Sum vầy vẫn yêu dấu!
« Em đi có các anh,
Săn-sóc chú cùng cậu.»
Vợ mới cưới bảy ngày,
Sớm chiều lo bếp nước,
Nay ta lên đường xa,
Việc nhà phải gánh vác.
Đời người có ly-biệt,
Nghèo-khó lại càng buồn.
Vinh-hoa ai chẳng muốn,
Khốn nỗi đạo thần-hôn!
Thăm thẳm bước ra cửa,
Rừng sâu đêm tối mờ,
Nhà gần trông chẳng thấy,
Ướt áo lệ như mưa.

Rồi tôi xin mời các bạn ngâm luôn bài thơ « *Mỹ-an dạ phát* » làm lối « lục-ngôn »:

Mạc mạc yên lung bích thụ,
Doanh doanh thủy tẩm bình điền.
Viễn biệt thỉ tòng kim dạ,
Tái lai định thị hà niên?

mà Trúc-Khê tiên-sinh đã dịch:

Cây xanh khói tỏa mờ-mờ,
Ruộng đồng nước ngập tràn bờ lênh-lang.
Đêm nay từ giã lên đàng,
Kỳ về khôn hẹn rõ-ràng năm nao!

Bài trên ở trong bộ « *Lương-khê thi-thảo* » quyển 2 (bản chép tay của tôi, tờ đầu), bài dưới chép liền với bài trên (ở tờ kế).

Tôi tìm được tài-liệu nầy là nhờ anh Mạc-như-Tòng (Qui-nhơn), vừa rồi nhơn vào xem Hội-chợ Sài-gòn, chỉ bảo cho. Anh nói: « Anh tìm trong Lương-Khê thi-thảo cho ra bài có câu « Tân phụ tài thất nhựt »; tôi đọc nó cách nay rất lâu nên không nhớ tựa là gì.»

Tin ở sức cường-ký của bạn, tôi lật đọc từng tờ và tôi gặp được bài « *Biệt gia* » đó. Sau hai chữ « Biệt gia », cụ Phan có nêu rõ một câu: « Minh-mạng lục-niên Ất-dậu lai Kinh ứng Bính-tuất Hội ». (Năm Minh-mạng thứ sáu là năm Ất-dậu ra Kinh-đô thi Hội khoa Bính-tuất).

Vậy cụ Phan trao bài thơ « *Từ thuở vương xe...* » cho bà nào vì cụ có ba vợ?

Vợ trước của cụ tên Nguyên-thị-Mỹ ở làng Mỹ-an, huyện Phước-lộc, tỉnh Gia-định (5). Bà nầy mất sớm (6), nên khi qua làng Mỹ-an, cụ Phan xức cảnh sanh tình làm một bài thơ lưu-giản hai mươi bốn chữ.

Bà Nguyên mất, cụ cưới bà họ Lê ở làng Long-hồ (Vĩnh-long). Bà nầy không con, bị xuất.

Đến năm Minh-mạng thứ 9 (1828), khi làm Tham-hiệp ở Quảng-bình, cụ mới cưới bà Trần-thị-Hoạch ở làng Đơn-duệ (Quảng-trị).

Thế thì bài thơ nầy là của cụ gởi cho bà giữa, bà họ Lê ở Long-hồ, vì cụ làm sau khi lên đường ra Kinh hoặc một lượt với bài « *Biệt gia* » vì lúc vừa ra khỏi nhà thì

« *Nay ta lên đường xa,*
Việc nhà phải gánh vác.
Đời người có ly-biệt,
Nghèo khó lại càng buồn »,

và

« *Rừng sau đêm tối mờ*
Nhà gần trông chẳng thấy
Ướt áo lệ như mưa ».

Bởi sầu cảm quá mà cụ có bài bài thơ « *Từ thuở vương xe...* » cho bà vợ mới cưới được có bảy ngày, đương thay cụ mà phụng sự cha già trong hồi nghèo túng.

Đọc tới đây hẳn các bạn đã nhận rõ rằng cụ Phan-thanh-Giản làm bài thơ nầy lúc ra Kinh ứng thi và gởi cho bà vợ họ Lê.

« Tứ giã vợ để đi thi Hội » chớ không phải « đi làm quan », vậy tôi tưởng ta cứ nên dùng cái tựa vắn tắt của nó là « *Kỳ nội* ».

LÊ-THỌ-XUÂN

1) Có bản chép: Lòng nầy.
2) Có bản chép: cười tớ.
3) Có bản chép: nỗi phận.
4) Bà mà ông Thái nói đây là bà Trần thị-Hoạch.
5) Mỹ-an sau cải Mỹ-lộc. Huyện Phước-lộc nay là Cần-giộc (Chợ-lớn).
6) Không rõ năm nào, chỉ thấy gia phả chép ngày 12 tháng tám năm nhâm ngọ (1822), bà nầy sanh một gái.

BÁN ĐẤT

Vì không dùng muốn bán:
1·) 3.000 thước đất giá 20$ một (ở Chợ Mới cũ Bạch Mai).
2·) 2.500 thước giá 15$ một
Hỏi: ở. Phạm-mạnh-Phan
số 34 Ngõ Mai Hương
BẠCH-MAI

Đã có bán

PHẬT GIÁO TRIẾT HỌC

Giá 2$80

Một triết học vô cùng sâu rộng lần đầu tiên được diễn ra quốc văn do một học giả thông tiếng phạn và đã tốt nghiệp Cao đẳng triết học Paris,

ông Phan văn Hùm

Sách viết với nhiều tài liệu lấy ở Viện bảo tàng Guimet bên Pháp

Nhà xuất bản TÂN-VIỆT
29, LAMBLOT — Hanoi

VẤN-ĐỀ « HỌC »

TIỂU HỌC ĐÔNG DƯƠNG

NGUYỄN NHÂN

VỚI những bài đã đăng trong mục này, tôi đã giảng-giải sơ-lược sự tổ-chức xưa và nay trong hai ngành tiểu-học và trung-học Pháp (về sơ-đẳng tiểu-học, xem Tri-Tân số 59 và số 60 ; về cao-đẳng tiểu-học, xem Tri-Tân số 66 và số 91 ; về trung-học, xem Tri-Tân số 69 và số 93).

Bây giờ, tôi bước sang địa-hạt Đông-dương mà khảo sát, cũng chỉ sơ-lược thôi, về các ngành học của người Nam.

Ta nên biết rằng tất cả những bậc học ở Đông-dương đều khởi-thủy do đạo nghị-định ngày 21 décembre 1917 ban-bố một học-quy chung cho cả năm xứ (Règlement général de l'Instruction publique en Indochine), bắt đầu thi-hành từ 1er Janvier 1918.

Từ bấy đến nay, riêng bậc tiểu-học đã chịu nhiều lần cải-cách nhất.

Theo chế-độ 1917-1918, bậc tiểu-học của ta gồm 5 lớp : đồng-ấu, dự-bị, sơ-đẳng, trung-đẳng và cao-đẳng. Phải đủ 7 tuổi mới được nhận vào lớp đồng-ấu. Phải đủ 13 tuổi mới được thi bằng « Certificat d'études primaires Franco-indigènes » (ta dịch là : bằng sơ-học pháp-việt). Có 5 lớp mà phải học 6 năm, nghĩa là thế nào cũng phải « đúp » một năm. Từ lớp trung-đẳng lên lớp cao-đẳng phải qua một kỳ thi « lên lớp ». Tất cả các môn học đều dạy bằng tiếng Pháp, từ lớp năm đến lớp [illegible].

Nghị-định ngày 20 juin 1921 [illegible] đổi nhiều khoản của nghị-định 21 décembre 1917 nhưng vẫn giữ những đại-cương trên này. Trường nào đủ 5 lớp gọi là « école primaire de plein exercice » trường nào chỉ có hai ba lớp gọi là « école élémentaire ».

Nghị-định ngày 18 septembre 1924 đặt ra cái bằng « Certificat d'études élémentaires indigènes » (ta dịch là: bằng sơ-học yếu-lược), cho những học-sinh học đủ ba lớp dưới. Năm 1925 là năm đầu tiên có kỳ thi lấy bằng ấy. Từ sau đạo nghị-định này, ở ba lớp đồng-ấu, dự-bị, sơ đẳng, các môn luân-lý, cách-trí, sử-ký địa-dư, toán-pháp, vệ-sinh, đều dạy bằng tiếng Nam. Tiếng Pháp chỉ dạy trong các bài tập-đọc ám-tả, tập làm văn. Năm 1924 thật là năm đáng ghi nhớ trong lịch-sử giáo-dục ở Đông-dương.

Người ta đã nói nhiều về vấn-đề nên dùng tiếng Pháp (chế-độ cũ) hay tiếng Nam (chế-độ 1924) ở ba lớp dưới. Trong khi một số người thiết-tha mong rằng, với người Nam, tất cả các lớp bậc tiểu-học đều học bằng tiếng Nam, thì lại có một số người nằng-nặc đòi bắt trẻ con an-nam học toàn bằng tiếng Pháp ngay từ lớp đồng-ấu. Tôi sẽ trở lại vấn-đề ấy trong đoạn dưới bài này.

Nghị-định ngày 7 juillet 1927 chia lớp trung-đẳng ra làm hai: vào lớp trung-đẳng năm thứ hai phải có bằng « sơ-học yếu-lược » cả phần pháp-văn (avec mention de français) và phải qua một kỳ thi. Vào năm thứ nhất, cũng phải có bằng ấy, nhưng không có phần pháp-văn cũng được. Nghị-định này còn sửa đổi chương-trình hai năm lớp trung-đẳng.

Nghị-định ngày 17 mars 1930 sửa đổi chương-trình hai môn địa-dư và sử-ký, từ đồng-ấu đến cao-đẳng.

Nghị-định ngày 17 Juin 1933 chính-thức chia các lớp tiểu-học ra hai bậc gọi là: *cycle élémentaire* gồm ba lớp dưới và *cycle primaire* gồm ba lớp trên. Hạn tuổi các lớp ấn-định như sau này: đồng-ấu, ít nhất 6 tuổi; dự-bị, ít nhất 7 tuổi; sơ-đẳng, ít nhất 8 tuổi; trung-đẳng nam thứ nhất, ít nhất 9 tuổi; trung-đẳng năm thứ hai, ít nhất 10 tuổi; cao-đẳng, ít nhất 11 tuổi. Học-sinh nào cũng bắt buộc phải qua lớp trung-đẳng năm thứ nhất, chứ không được « nhảy » ngay vào năm thứ hai như trước nữa.

Một nghị định khác cũng ngày 17 Juin 1933 sửa đổi lại thể-lệ thi bằng « sơ-học pháp-việt » : phải đủ 12 tuổi tính đến 31 décembre năm thi, phải có đỗ « sơ-học yếu-lược » rồi, và phải có học-bạ đủ ba năm trung-đẳng và cao-đẳng, mới được thi « sơ-học pháp-việt ».

Nghị-định ngày 12 Août 1935 sửa-đổi lại chương-trình môn pháp-văn và môn địa-dư ở ba lớp dưới.

Nghị-định ngày 18 Mai 1937 bỏ lệ bắt buộc phải có bằng S. H. Y. L. mới được vào lớp trung-đẳng năm thứ nhất, nhưng lại đặt ra một kỳ thi khác: học-sinh có đỗ hay không đỗ S. H. Y. L. cũng phải qua kỳ thi ấy. Cũng theo nghị-định này kể từ học-khóa 1939-1940, dự thi S. H. P. V. không bắt buộc phải có bằng S. H Y L. như trước nữa. Riêng ở Nam-kỳ, nghị-định ngày

14 août 1936 của quan Toàn-quyền đã bỏ hẳn cái bằng sơ-học yếu-lược và kỳ thi của nó. Nghị-định ngày 11 Juillet 1938 lập lại như cũ, nhưng để riêng cho những dân thiểu-số như dân Mọi, dân Chàm thôi, còn học-sinh Việt-nam không phải thi. Gần đây, nghị-định ngày 24 Novembre 1942 lập lại kỳ thi S. H. Y. L. cho học-sinh Việt-nam ở Nam-kỳ. Còn ở Bắc-kỳ, nghị-định ngày 29 Juin 1937 của quan Thống-sứ bỏ những bài vấn-đáp trong kỳ thi S. H. Y. L.

Nghị-định ngày 18 Janvier 1938 khai-sinh cho những tên « écoles primaires élémentaires indochinoises » thay cho « écoles élémentaires indigènes » và « écoles primaires complémentaires indochinoises » thay cho « écoles primaires franco-indigènes ». Nghị-định này đặt hẳn chương-trình mới cho tất cả các môn học trong cả các lớp, từ đồng-ấu đến cao-đẳng, tức là chương trình hiện nay đang dùng trong khắp các trường tiểu-học ở Đông-dương.

Nghị-định ngày 20 Mars 1939 đổi tên các bằng : « certificat d'études élémentaires indigènes » đổi ra « certificat d'études primaires élémentaires indochinoises » và « certificat d'études primaires franco-indigènes » đổi ra « certificat d'études primaires complémentaires indochinoises ».

Trong Tri-Tân số 89, tôi đã bày tỏ tại sao nên lấy mấy chữ « sơ-học » thay cho « sơ-học yếu-lược và « tiểu-học » thay cho « sơ học pháp-việt ».

Gần đây nhất, nghị-định ngày 5 Mars 1943 thay đổi chương-trình môn luân-lý trong tất cả các lớp tiểu-học. Đấy là sự cải-cách mới mẻ nhất trong nền tiểu-học Đông-dương.

***

Trên kia, tôi đã nói: năm 1924 thật là năm đáng ghi nhớ trong lịch-sử giáo-dục ở Đông-dương. Năm 1924 tức là ngày đắc thắng vẻ-vang của chữ quốc-ngữ. Chính nhờ đạo nghị-định ngày 18 Septembre 1924 mà học sinh an-nam ở ba lớp dưới được học đủ mọi thứ bằng tiếng mẹ đẻ, nghĩa là bằng chữ quốc-ngữ.

Tôi còn nhớ khi mới bắt đầu cắp sách đi học vào năm 1920, ngay lớp bét đã học toàn chữ Tây là chữ Tây. Học cách-trí thì ngay bài đầu đã sa-sả kêu : « Le corps humain se compose de trois parties...». Học sử-ký thì bài thứ nhất là bài « La tortue d'or ». Cả bài năm bảy câu, có khi chẳng hiểu rõ một chữ nào. Ấy thế mà con vẹt cứ việc lắp đi lắp lại hết ngày này sang ngày khác.

Việc cải-cách năm 1924 thật là cái vinh-dự cho những nhà cầm quyền xứ này trước đây 20 năm. Tuy vậy, đó cũng là kết-quả sự nỗ-lực của các bậc tri-thức Việt-nam như các ông Phạm-Quỳnh, Nguyễn-phan-Long, v.v... đã từ Bắc chi Nam, nào diễn-thuyết, nào viết báo, yêu-cầu dùng tiếng Nam trong bậc tiểu-học của người Nam.

Ta hãy đọc một vài đoạn dịch văn của ông Phạm-Quỳnh trong báo « Avenir du Tonkin » nam 1922, báo « Echo Annamite » trong Nam có lục đăng lại :

« Khi qua khỏi bậc sơ-học, đứa con trẻ Việt-nam hình như thông-hiểu được nhiều điều lắm, mà kỳ thật không biết chi là chi hết ; đã không hiểu các môn đã học bằng tiếng Pháp mà thôi, các câu ấy nó cũng không thể hiểu nghĩa được rõ, lại không thể hiểu tiếng Pháp. Vì tiếng này dùng làm tiếng cơ-quan cho hết thảy các môn học khác ; thật giống hệt như trong các trường dạy con trẻ Pháp, chẳng hề dạy tiếng Pháp vì tiếng Pháp, lại dạy theo phương-diện tiếng ngoại-quốc... Thế thì bậc sơ-học gần như trống-không, sự biết tiếng Pháp hầu như không được gì, và khối óc rối bời vì đã nhiều năm học toàn những điều khiến nên đần-độn...»

«... Cả cái sơ-học hiện thời lẽ nên bỏ hết, và đem thay vào một cái sơ-học Việt-nam, lấy cái văn bằng sơ-học Việt-nam để chứng cái học ấy, tiếng cơ-quan sẽ phải toàn là tiếng Việt-nam mà thôi, còn tiếng Pháp sẽ là một môn học riêng...»

«... Tiếng Việt-nam đã sẵn tư cách làm cơ-quan cho cái sơ-học xứng-đáng không ? Có lẽ người ta sẽ đề khởi ra câu hỏi ấy, và chúng tôi kết bài hôm qua cũng bằng câu hỏi ấy. Chúng tôi xin trả lời lớn lên rằng được

« Và chúng tôi lại thách kẻ nào chứng minh được điều trái-ngược lại, mà không đúng lý-lẽ mập-mờ, không đúng lẽ phải, không đúng sự thật ; vì nhiều người hoặc sành hoặc không sành lắm, đã buông nhiều lời phê-bình tiếng chúng tôi, làm cho chúng tôi thật tức-giận, nên chúng tôi gia-công mười năm khảo-cứu, luyện-tập, và chúng tôi quyết-rằng cũng thông-hiểu tiếng nước nhà ít ra cũng ngang bằng kẻ khác, bất-kỳ là ai...»

Một đoạn văn khác của Phạm Quỳnh, cũng về vấn-đề trong Nam Phong số 67 :

« Làm cho tiếng ta sống đ

(*Xem tiếp trang 2*)

ĐỌC SÁCH

QUÁN BIÊN THÙY

HỘI-THỐNG

VỚI cuốn « Ai Bắc », xuất-bản năm 1942, ông Thao Thao đã chiếm được một địa-vị khả quan trong làng thơ đất Việt. Mới đây ông lại cho ra vở kịch thơ *Quán biên-thùy*, phô-diễn một cách mới mẻ, sâu sắc, « chuyện *Kinh Kha*, cám ơn tri ngộ, sang Hàm-dương hành thích vua Tần », một truyện mà dù đã trải qua bao thế kỷ, vẫn đủ sức « khích-thích » những người có tư-tưởng, có tâm-huyết, biết nghĩ, biết cảm, ở đời này. Biết bao nhà văn đã từng phải « ngậm ngùi, cảm-khái », thương cho ai, mà lại khóc cho ai !...

***

Màn thứ nhất bày ra trước mắt ta cảnh *Quán biên-thùy*. « Ba gian nhà tranh bên cạnh đường thông Yên, Triệu, chung quanh bao-la rừng núi...»

« *Quán biên thùy, nơi chia đôi cương giới,*
« *Triệu một bên, Yên hờ-hững một bên* ».

Sống giữa cảnh thiên nhiên, hùng-vĩ ấy, bạn với trăng ngàn, gió núi, ta cũng không lấy làm lạ khi thấy Cao-tiệm-Ly, « bạn đối ẩm của Kinh-Kha » ất tiếng ngâm vang :

« *Lòng lâng lâng, không mảy may vương vịu,*
« *Xa bụi trần, gần rừng núi hoang vu...*»
«...*Xa trần gian, nơi bụi bay mù mịt,*
« *Nơi mênh mông sầu, oán, hận vô biên...*»

Ghét công danh, phú quý, mặc ai theo đuổi mộng công-hầu, khanh tướng, chàng chỉ ưa cùng bạn ngắm những...

«...*Cảnh rừng sâu ra bể cả,*
« *Cảnh non Bồng, nước Nhược chốn thiên nhai.*
« *Cảnh muôn năm mây trời trăm vẻ lạ*
« *Hoa đón chào, chim mừng hát vang tai* ».

Gần Cao tiệm Ly có một tâm hồn thanh cao mơ mộng như vậy, trách nào Kinh Kha chẳng thấy nhiều phen tơ lòng rung động :

« *Lòng cũng muốn say mơ đời như mộng :*
« *Mộng thần tiên, mộng ấy, mộng vô song !...*»
«...*Thả hồn trôi, trôi theo, lòng những mnốn*
« *Cảnh non Bồng, nước Nhược mãi say sưa...*»
«...*Nơi Đào nguyên thuyền ai lơ lửng đợi*
« *Lũa mờ trong sương phủ ôi ! nên thơ...*»

Nhưng nghĩ lại :

«...*Giận thân dài, vai rộng,*
« *Kiếm thần đeo chưa trả nợ non sông* ».

Chí khí hiên ngang, những mong lấp bể, vá trời, Kinh Kha quyết « vãng mình đời gió bụi xông pha » :

« *Kiếm thần tung, chém phăng loài tàn hại*
« *Thói tranh giành, xâu xé, chẳng dung tha !* »

Và chỉ :

« *Mong thời cơ tỏ rạng kiếm anh linh...*
«...*Quyết chờ phen cho quỷ khiếp thần kinh !* »

Màn thứ nhì : Triều đình Yên.

Kinh Kha sau khi đã nhận lời với lão tướng Điền Quang cứu Yên quốc ra khỏi vòng nước lửa vì bạo Tần.

Quân đã tràn cả ven sông Dịch Thủy.

Sắp ùa sang làm cỏ khắp Yên bang, một mình vào hội kiến với Thái tử Đan, bàn mưu tính kế để cứu vớt muôn dân ». Cũng không ngoài cách « thi hành mưu Tào Mạt ». Phải thi hành độc kế, vào Hàm Dương hành thích vua Tần.

Kinh Kha khảng-khái nhận ra đi, sẽ mang theo địa đồ đất Đốc cương và đầu lâu Phàn ô Kỳ, mong thành công :

« Giết Tần Vương giải nguy cho thiên hạ ». Màn này có nhiều câu thơ hay, khiến cho ta phải ngẫm nghĩ. Như lúc Thái-tử Đan sau khi « mơ thấy nghiêng-nghiêng trời đất đổ », lúc bừng tỉnh, dạ phân vân, bàng hoàng, nói với bách quan :

« *Tình thế này dễ khôn hòng cứu gỡ,*
« *Biết làm sao để vững nước, yên dân ?* »

Thì Thái phó Cúc-Vũ đáp lại ngay :

« Tâu Điện-hạ : *Việc yên, nguy, còn, mất,*
« *Là do tài định-đoạt, mộng tin chi ?* »

Lại khi Thái-tử Đan muốn ủy thác việc lớn cho Kinh-Kha, có những câu như :

« *Một đường kiếm* giải nguy cho thiên-hạ
« *Thí một thân* nhưng *muốn thủa lưu phương...* »

Và khi Kinh-Kha đã nhận lời, Thái-tử Đan tỏ ý cảm ơn :

« *Kiếm thần kia vì muôn dân rửa hận*
« *Thành Hàm-Dương xin tắm máu quân thù* ».

Màn thứ ba — Sông Dịch-thủy. — Hương án, tàn quạt... trong sương khuya, buồn rủ. Một con thuyền đậu veu sông, quanh co dòng nước chảy lạnh-lùng...»

Bên bờ sông Dịch, Kinh-Kha dừng lại « ngắm non sông tịch mịch cũng thấy nao nao trong lòng :

« *Sông Dịch-Thủy vời trông sao quạnh quẽ,*
« *Nước về đâu mờ mịt, lạnh lùng trôi ?...* »

Giữa lúc ấy Cao tiệm Ly, « không quản nghìn dặm xa » tìm đến tiễn đưa bạn và khuyên bạn trở lại « quán biên thùy êm-ái, miền núi rừng bao cảnh lạ nên thơ ». Cuộc đời đã như ảo mộng thì còn chen vào chốn bụi hồng ấy chi ?

Rượu ngon lại có bạn hiền, « cùng nhau dơ chén, cạn Thơ, hứng tình, xướng họa, gật gù ngâm...» chẳng hơn ư ?

Nhưng chí Kinh-Kha đã quyết. Nên tình bạn hữu dẫu thiêng liêng ; những ngày qua « nâng chén rượu, chiều chiều nghe gió thổi », những « cảnh say sưa vui thú » nơi « quán ba gian êm-dịu » chốn biên thùy, tuy đã để lại trong lòng người tráng sỹ những kỷ-niệm bất diệt, mà Kinh-Kha cũng đã thắng được lòng mình, gác tình cảm ra một bên, để làm cho tròn nghĩa vụ.

***

Tâm-lý Kinh-Kha

« *Cả triều Yên đều mặc đồ tang trở,*
« *Đề tang người vì nghĩa cứu Yên bang...* »

Là một việc dễ dàng, ai cũng có thể làm được. Thắng được lòng mình, quyết không nghe theo tiếng gọi thiết tha của tình cảm, mới là khó.

Chúng ta kính-phục Kinh-Kha, chúng ta ngậm ngùi thương cho thân-thế Kinh-Kha.

« *Trải bao thu mơ-màng đời chiến-sĩ,*
« *Nay đóng vai... hành-thích... mỉa mai chưa ?*
« *Mộng buông trôi... tung-hoành không phỉ chí...*
« *Thù tổ phụ... càng nghĩ... lệ tuôn mưa...* »

Có người tất sẽ lấy làm ngạc-nhiên khi thấy một tráng-sỹ đời Chiến-quốc rỏ lụy khóc vì không đạt được chí nguyện bình sinh. Nhưng giọt lệ anh-hùng đây không làm cho chúng ta phải chê. Trái lại, chính vì thế mà chúng ta yêu Kinh-Kha, vì Kinh-Kha gần chúng ta hơn, nghĩa là cũng có đủ thất tình như những ai ai.

Trước khi quyết định, Kinh-Kha cũng đã từng chống lại trậu bão lòng.

« *Cảnh nên thơ, nơi xa xôi... vời vợi...*
« *Nơi cuốn lôi hồn mộng . nhìn ngẩn ngơ...* »

Đã từng làm cho chàng say đam.

Chàng cũng đã dự biết cuộc đời là ảo-mộng.

« *Đời gió bụi... Đời mênh-mông sầu, tủi...*
« *Đời tranh-giành, xâu sẻ bao nguy nan !* »

Nên chàng lại càng quí cái tình bè bạn thiêng-liêng giữa chàng với Cao-tiệm-Ly, càng nhớ tiếc những giây phút thần tiên đang giá ngàn vàng, cùng bạn tri-âm.

« *Rượu đầy vơi... âm-thầm nghe điệu trúc,*
« *Trúc ngân buồn, rừng núi chĩu lệ sương,*
« *Vỗ kiếm ca... lưng trời lờ lờ đục...* »

Hoặc những :

« *Khi trèo non, khi lội suối vui chân,*
« *Quán biên-thùy chiều chiều sương mờ mịt*
« *Rượu đầy vơi, ca hát trúc vang ngân* »

Cái hình ảnh êm đềm của quá khứ vẫn theo đuổi Kinh Kha, đến nỗi phút cuối cùng bên sông Dịch thủy, sắp sang Hàm-dương hành thích vua Tần, chàng còn đáp lại Cao tiệm Ly :

« *Cũng muốn lui... lui về miền rừng núi,*
« *Quán biên-thùy, ôn lại thú vui xưa !* »

Và không phải là Kinh Kha đã không cân nhắc :

Một bên :

Quán biên-thùy, cảnh say sưa vui thú

Còn một bên :

Thành Hàm-dương, muôn rủi một phần may

Rút cục Kinh-Kha đã thắng một cách vẻ vang ngọn tư

(Xem tiếp trang 1

Kịch dài bằng thơ

Phạm Thái

Viết theo «Tiêu-sơn tráng» tiểu thuyết của Khái-Hưng

Số 4 PHAN-KHẮC-KHOAN

Nhà sư
Người nghĩa khí!
Thiệt đích đáng là giống nòi dũng sĩ
Hiền hữu ơi, tôi nào phải sư tăng.

Tráng sĩ
Nhưng người là ai mà vừa lẫm liệt hiên ngang
Vừa điềm đạm như Lưu Huyền... thuở trước?

Nhà sư
Cũng một kẻ mang thù nhà và nợ nước.
Người là con của cụ Trạch-trung-Hầu.
Mà tôi đây là con... của... tướng Trần-quang-Châu!

Tráng sĩ
Trời ơi, anh Quang-Ngọc!
Gặp gỡ nhau trên đường đời gai góc.
Từ biệt ly nào đã cách bao xa,
Mà dung nhan em chẳng nhận nhìn ra.

Nha sư (Quang Ngọc)
Phải trá hình cẩn thận
Khi ra ngoài cũng như khi lánh ẩn..!

Tráng sĩ (P. T.)
Nhưng sao hiền huynh...

Nhà sư
Lại trấn nhậm ở chùa đây?
Chỉ cách hai giờ trước chính đêm nay,
Vì nhanh bước được trước vào cảnh Phật,

Tráng sĩ (P. T.)
Bằng cách nào? hiền huynh? màu nhiệm thật?

Nhà sư (Q. N.)
Bằng cách mà hiền huynh định thi hành...

Tráng sĩ (P. T.)
Ngu đệ xin chịu lỗi trước tôn huynh
Thất lễ.

Nhà sư (Q. N.)
Lỗi chỉ vì khanh chậm trễ,
Nếu sớm hơn tôi khỏi phải ra tay,

Tráng sĩ (P. T.)
Cũng thực do thiên ý buổi đêm nay...
Nhưng cửa Phật
Không phải là nơi chuyên ẩn dật;

Nhà sư (Q. N.)
Là nơi ta tạm lánh để mưu thủ,

Tráng sĩ (P. T.)
Vâng là nơi tạm trú lúc chu du...

Nhà sư (Q. N.)
Hiền hữu đã giỏi về mưu trí,
Xin lưu lại đây luôn và tạm nghỉ,
Vừa nhận dùm cho đảng chức quân sư
Như đã từng giúp đảng Nguyễn Đoàn xưa.

Trang sĩ (P. T.)
Hiền huynh đã lập nên thành đảng mới?

Nhà sư
Đảng đã nhóm chí hùng đương phơi phới
Người đầu tiên hứa giúp, một giai nhân
Mà nam nhi khó kịp trí siêu quần,
Là con của Nguyễn thượng thư Đình Giản
Người đã lạc bước tòng quân khi tán loạn...

Trang sĩ
Phải, nàng tên gọi Nhị nương chăng?

Nhà sư
Phải.

Tráng sĩ
Ồ một giai nhân đẹp tựa bóng cung hằng,
Một, một... một thiên hương quốc sắc

Nhà sư
Nhất lại là một bực phi thường cân quắc

Tráng sĩ
Vâng, cả hai bề đều vẹn vẻ hoà hai!

Nhà sư
Nàng hẹn rồi sẽ trở lại ngày mai

Tráng sĩ
Ngày mai?

Nhà sư
Ngày mai nàng sẽ lại
Vì ngày mai cửa thiền sẽ là nơi dinh trại

Tráng sĩ
Nhưng làm sao hiền huynh gặp Nhị nương?

Nhà sư
Chính đêm nay

Tráng sĩ
Ồ lại một chuyện phi thường!
Đêm nay, vào lúc nào lạ thật?

Nhà sư
Ngay lúc ngu huynh đi gần cửa Phật
Nhị nương còn đấu kiếm với sư tăng...

Tráng sĩ
Chắc vì nàng đẹp tựa bóng cung hằng...
Nên sư cụ...

Nhà sư
Vâng chính thế.
Nhưng hãy đợi lần sau rồi sẽ kể,
Đêm gần tàn sắp sửa trống canh tư;
Hiền hữu nên tạm chợp giấc tăng sư
Nơi cửa Phật. Ngày mai nàng sẽ lại;
Ngày mai cửa thiền sẽ thành nơi dinh trại.
Ngày mai sẽ đi tìm kiếm Hoàng Phi...

Tráng sĩ
Vâng phải cứu bà ra khỏi bước gian nguy

Nhà sư
Ngu huynh đã phó cho nàng công thám thính
Xin tạm nghỉ ngày mai rồi sẽ tính...

I

Lớp thứ hai

Cảnh I:

Cảnh chùa Tiêu sơn buổi mai
Quang-ngọc tức tráng sĩ thứ nhất
nhà sư thứ hai
Nhị nương tức thiếu nữ
Phạm Thái: tức tráng sĩ thứ hai

***:

Quang Ngọc
Đồi Tiêu sơn giăng tròn đương nhuộm ánh,
Kia lầu cao Tiêu lĩnh ngát trầm hương
Nơi chân trời tha thướt dưới hàng dương
Tuồng có bóng một hai người kỵ mã,

Phạm Thái
Trong rặng liễu cây đen vờn ánh ngả,
Tràng phong lưu đương êm nhẹ tiến lên lầu;
Môi hường xinh làn mắt dịu đen sâu,
Ôi kiều diễm trông như người mỹ nữ,

Quang-ngọc
Khách kiều diễm trông như người mỹ nữ
Chính là nàng anh-kiệt Nhị-nương đây

Phạm Thái
Thảo nào mà đôi mắt đượm mê say,
Mà đóa môi như đào phơi dịu thắm.

Quang Ngọc
Nhưng dầu đượm hương hoa hay sắc gấm,
Cũng không bằng mộng tưởng tối cao xa.
Đủ trong sáng cho hồn người say đắm,
Đủ vui tươi cho lòng cất vang ca.

Nhị nương
Xin cúi chào quý hữu với hiền huynh.

Quang Ngọc
Đây là người bạn gái của ngu huynh,
Đây Phạm Thái trang anh tài tuấn kiệt.

Phạm Thái
Kẻ ngu sĩ lần đầu tiên được biết
Dung nhan người liệt nữ anh hùng,
Mà bao lâu đã kính phục trong lòng.

Quang Ngọc:
Ngày hôm nay vòm trời cao rộng quá,
Kia trầm hương sức nức cửa từ bi,
Lòng trời phật chứng minh gươm sắt đá,
Cho vững bền trong những lúc gian nguy.

Nhị nương
Sẽ vững bền trong những lúc gian nguy.
Vì hiền huynh
Kiếp phong trần hồ hải bước lưu ly
Đã quen nhẫn với bao điều tân khổ
Chiếc thuyền bé mặc ghềnh pha sóng vỗ,
Quyết buông chèo vững lái sang bờ xa...

Quang Ngọc:
Trước tòa sen thơm nức những hương hoa,
Xin kết giải đồng tâm trong nghĩa trọng;
Và thề quyết cùng nhau cùng chết sống.

Nhị nương:
Ta tuy chẳng cùng nhau chung huyết thông
Nhưng mối thù bất diệt: cảnh suy nghiêng,
Là dây tình ràng buộc rất thiêng liêng...

Phạm Thái:
Xin nghĩa tỷ cùng hiền huynh vững dạ,
Đây tiện đệ xin chờ theo lệnh cả.

Quang Ngọc:
Chúng ta cùng dốc cạn chén mình bồi,
Cho tấm lòng cam hận bớt nung sôi,
Cho chí khí hiên ngang càng dũng mạnh.

Nhị nương
Cho tim đau quyết không bao giờ tê lạnh,
Căng thẳng buồm hy vọng tới thành công.

Phạm Thái
Để muôn người qua khỏi bước lao lung
Để rồi đây chân trời hây sắc thắm

Quang Ngọc
Để non nước muôn nơi tràn vẻ gấm,
Để trung thần hung phục lại triều Lê
Thì hôm nay ta phải gặp hoàng n
Để cứu bà ra khỏi bước gian ng
Vậy hiền muội phải dày c
thám th
Dò tin tức rồi sau ta sẽ tính.

(Còn nữa)

PHAN-KHẮC-KI

TỤC HỎA TÁNG

của người Thổ

ĐỖ-HOÀNG-LẠC

Đó là một cổ-tục bất di bất dịch lưu truyền tự nghìn xưa của một chủng-tộc đã bao đời sùng-thượng Phật giáo.

Không riêng gì người Thổ, những dân-tộc dưới bóng Hi-mã-lạp sơn suốt dải lục-địa Tây-Á (Ấn-độ, Xiêm, Tây-tạng...) và phần đông người hắc chủng tồn-tại trên quả địa-cầu (châu Phi, châu Úc) đều kính-cẩn theo tục thiêu người chết.

Đối với họ, chết tức là giải-thoát chốn hồng-trần. Nhưng nếu thể xác vẫn nằm dưới lớp đất đen, thì linh-hồn vẫn chưa được siêu thăng lên cõi Nát bàn thượng-giới. Cần phải thiêu sạch cả thể-chất cấu tạo bởi tục-phàm mới mong đưa linh-hồn về nơi cực-lạc theo ngọn lửa thiêng.

Bởi thế, dù giàu nghèo sang hèn, ai ai cũng đều theo tục ấy. Thật là điều ân-hận, nhục-nhã, đại bất-hiếu cho họ, nếu hương-hồn ông bà cha mẹ không được về hầu dưới chân đức Phật từ-bi.

Nhưng ta nên biết, lễ hỏa-táng không thể làm với một số tiền con [illegible]ọn được, vì ngoài khoản phí tổn [illegible]củi-đóm để thiêu, còn phải cung-[illegible] mọi thức lễ-vật cho thầy tu [illegible]. Cho nên một số đông người [illegible]èo khó, cơm đã bữa đói bữa [illegible] thì có đâu tiền của mà hòng [illegible]u hài-cốt tổ-tiên phụ-mẫu. Họ [illegible]nh ngậm-ngùi nhìn thời-gian đánh dấu tháng năm trên những nắm xương tàn đã vùi sâu dưới ba tấc đất, để rồi đến kỳ sóc-vọng hay ngày tết tưng bừng, họ buồn rầu bưng đến góc sàn chùa một mâm cơm không đến nỗi khô-khan thịt cá, đặt trước cái chòi lá cao lỏng-chỏng dùng tạm làm ban thờ, dưới bóng mát một gốc cổ-thụ : bữa tiệc của mấy linh-hồn còn nhợ-uế, vì hài-cốt chưa được thiêu. không dám vào điện Phật nghe kinh như những linh-hồn khác.

Sự quá nghèo-túng ngăn-trở bọn người cùng đinh khốn-đốn nầy khó vẹn-toàn chữ hiếu. Nhưng còn những kẻ khá hơn một chút, thì dẫu phải vay công mắc-nợ, họ cũng không từ. Thiêu được ông bà cha mẹ là đủ mãn nguyện cho cả đời họ rồi. Hạng nầy, một khi cha hay mẹ nhắm mắt, họ lập tức thiêu ngay. Như thế đỡ tốn hơn đem táng đi rồi chờ ít năm sau mới bốc mộ lấy cốt đem thiêu.

Có mục-kích một đám thiêu tươi xác-chết, mới nhận thấy tất cả sự ghê-tởm kinh-dị.

Người chết mặc xong quần-áo được đưa ra giàn-hỏa. Giàn-hỏa dựng giữa cánh đồng bát-ngát, dưới chất hàng súc gỗ tươi (củi khô thì biết bao nhiêu cho đủ !). Sau khi buộc chặt xác chết trên giàn và đám thầy mo làm phép cầu nguyện xong, người ta khởi sự đốt. Ngọn lửa bắt dầu hoặc nhựa cây phát-hỏa cháy bùng lên, chỉ trong khoảnh khắc khói bốc mịt mù. Mọi người đều đứng trên gió để tránh cái mùi nồng-nặc buồn nôn phát-tiết từ cái tử-thi bị cháy xém xèo-xẹo. Qua lớp khói dầy đen kịt, người ta thấy xác chết rút gân co rúm lại. Ta có cảm tưởng đó là kẻ tội-nhân kiệt-lực đang oằn oại trước hình-phạt rùng-rợn dưới cõi diêm-la, mà chúng quỷ Dạ-xoa mặt ngựa đầu trâu, là bọn người mình trần mồ-hôi nhễ-nhại đang đẩy thêm củi dưới giàn và đang lăm-le trong tay thanh sắt nhọn để thỉnh-thoảng thẳng cánh đâm vào xác chết một nhát cho mỡ chảy bớt ra ngoài. Bất đồ, vụt một cái, tử thi bỗng ngồi phát dậy, bao nhiêu giây buộc chặt đều đứt phăng cả. Người ta phải lấy đòn gỗ nặng cố đè xuống, chật-vật lám mới ấn được tử-thi nằm yên. Lửa vẫn cháy già, tử-thi biến-hình dần dần từ một con lợn quay đến một khúc gỗ cháy đen nứt-nẻ. Không chịu nổi sức lửa, giàn thiêu đổ xiêu xuống ném bộ xương người ngổn-ngang vào đống than hồng.

Thế là chỉ non một ngày, ngọn lửa thiêng đã hóa-kiếp tử-thi kia để đưa linh-hồn kẻ ấy về nơi Tây-phương cực-lạc, như lòng mong-ước của lũ con cháu hằng thành tâm vọng-niệm.

Lễ hỏa-táng của người bình dân đơn-giản như thế. Nhưng đối với hàng thượng-lưu phẩm-tước

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

thì nghi-lễ có lắm phần phiền phức rườm rà.

Vừa rồi, tôi được chứng-kiến một đám hỏa-táng vô cùng long-trọng ít khi có ở miền Hậu-giang Nam-kỳ. (Ta nên nhớ Nam kỳ là đất Chân-lạp thuở xưa, người Thổ vẫn còn đông-đúc ở mấy tỉnh phía Tây, tuy họ đã Việt-hóa nhiều, song vẫn giữ quốc-tục).

Tang chủ là một ông cai-tổng đương niên ở quận L.-ph., tỉnh S.-tr., ông thiết đàn làm lễ hỏa-táng cho phụ thân ông thất-lộc đã năm năm rồi, nay mới bốc mả lấy cốt đem thiêu.

Thiên-hạ xa gần nô-nức đến xem tấp nập. Đây là một công-cuộc có cả ý-nghĩa « làm phúc » cho nên thiên-hạ ở xa đến xem khỏi phải lo về khoản dạ-dày, vì tang-gia đã sẵn-sàng cất cho họ một giải nhà rộng-rãi, để mới ngày đều chu-đáo tiếp-đãi họ vài ba bữa cơm thịt-cá ê-hề. Và để mọi người khỏi chán, tang-gia đã gọi ba ban hát : hát tiều (hát Tàu), hát diều kê (hát Thổ) và hát thuật, suốt đêm hát xem chơi.

Cả công-cuộc lớn-lao kiên-thiết choán trên ba mẫu đất sửa sang bằng-phẳng, giữa một cánh đồng mênh-mông bát-ngát. Nào là đàn-thiên, nào là điện Phật, nhà khách, nhà ăn, nhà bếp, nhà hát... tất cả đều làm bằng cây và tre lợp lá, chưng dọn trang-hoàng.

Nhất là điện Phật kiến-trúc theo lối cao-mên, mới bước vào ta phải chóa mắt trước những đồ vật sơn son thiếp vàng chói-lọi, và những tấm lụa đủ màu sặc sỡ xa-hoa, bay bướm đang phấp phới trên trần nhà như khoe nét mỹ-miều đặc-biệt của nền mỹ-thuật tối-cổ, trường-cửu với ngôi đền Đế-Thiên Đế-Thích hùng-vĩ suốt thiên-thu.

Tôi đang dương to đôi mắt của một kẻ ở miền nước ngọt, tò mò nhìn hàng trăm ông lục áo vàng (thầy sãi cao-mên) ngồi trên sập lót chiếu, theo thứ-tự phẩm trật nhà chùa, thình-lình nghe bên ngoài phường bát-âm trống kèn inh-ỏi, nhìn ra thấy một toán người đang khiêng chiếc kiệu trần, trên có một tượng Phật thiếp vàng, chung quanh che phướn đỏ lộng vàng rực rỡ. Đó là đám thỉnh Phật đến chứng-minh cuộc lễ hỏa-táng nầy.

Tôi bước ra ngoài nhìn mặt tiền Phật-điện thì lấy làm lạ sao mỗi gốc cột đều có treo một buồng dừa tươi và dựng cây chuối đã trụi lá dính lủng-lẳng một quảy chuối còn xanh. Hỏi ra mới biết là để cúng cho những oan-hồn uổng-tử, tuyệt tự vô cư, đói khát vật-vờ.

Thống chế Pétain đã nói :

« Quốc dân nên hiểu rằng sự phục hưng đã bắt đầu mà các người đương noi đường chính. Lại nên hiểu rằng nước Pháp chẳng hề cải tổ nếu quốc dân không gia nhập bằng tâm hồn và ủng hộ một cách nhẫn nhục bền gan.

Lấy cốt (dục-choân). — Sau một tiếng đồng hồ hì-hục đập vỡ nấm mộ đúc ciment, chiếc quan tài danh-mộc sơn đen lộ nguyên-hình toàn-vẹn trên mặt đất. Bốn lão « thầy chôn ma » Thầy gọi là ploucky, còn người (thầy cả gọi riêng là youky) đều có choàng qua vai đoạn vải trắng, đã sẵn-sàng đứng ở bốn góc quan-tài, tay đốt một nắm hương, miệng lâm rầm đọc chú. Lão thầy cả tay cầm đục, tay cầm búa bỗng quát lên, líu lo một thời dài. Dứt câu, lão hét to một tiếng, dang tay búa đục mạnh vào cỗ-quan. Nắp ván thiên theo đà tay của mấy lão ploucky bật ra một bên, để lộ lớp vải dầy khâm-liệm đã mục nát xẫm vàng. Tám bàn tay « chôn-ma » sần-sùi cáu-ghét cùng thông-thạo bới hốt những đồ mục bỏ ra ngoài. Chỉ trong chốc-lát, bộ xương người khô đét hiển-hiện trước mắt mọi người. Tang-quyến đồng chắp tay ngồi chung-quanh quan-tài đọc kinh cầu nguyện qua những tiếng kêu than bi-thảm.

Lão youky đứng lên khởi làm phép dẫn đường cho vong hồn. Một tay cầm chiếc thá

ĐÃ CÓ BÁN

Một quyển sách mà ai ai cũng nên đọc, dầu là người mạnh, người phổi yếu, người bị lao.

BỊNH HO LAO

những phương pháp ngừa lao, sẵn sóc người phổi yếu và tiếp dưỡng người bị lao

Giá 4$00

của Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN

TỔNG PHÁT HÀNH :

Hanội : *Hiệu sách Đông Tây 195 Hàng Bông*

Huế : *Hiệu sách Văn Hòa 29 Maréchal Pétain*

Saigon : *Nhà sách Nguyễn-khánh-Đàm, 12 Rue Sabourain.*

Có in ít bản giấy đẹp hảo hạng Xin hỏi nơi Ông Nguyễn Khánh Đàm.

con làm bảng cọng chuối, một tay nắm lấy sợi giây nhỏ đầu kia có buộc mảnh xương lóng tay, lão vừa đọc thần chú vừa từ từ kéo sợi giây cho miếng xương leo lên hết mấy bực thang, thế là người chết dưới âm đã trở về.

Mấy lão ploucky bắt đầu lượm-lặt những mảnh xương để rồi người trong tang-quyến cùng tiếp tay với họ rửa ráy cho trơn sạch. Cả bộ xương xếp gọn vào một cái mâm, riêng xương sọ thì đặt trên hết, rồi phủ kín bằng vuông lụa màu.

Theo lời một cụ già người Thổ cố giải nghĩa bằng tiếng an-nam cho tôi hiểu thì có tất cả ba thứ xương: xương vàng của hạng quan sang, xương bạc của người hiền-đức và xương sắt của kẻ hạ cấp bình-dân.

Thiết nghĩ kiến-giải ấy lập-luận cũng xác đáng trên sự nhận-xét ngộ-nghĩnh, vì hạng bình dân nghèo khổ, chôn ông bà cha mẹ thì chỉ việc ký gởi cỗ ván gỗ tạp dưới hố đất sâu, nước ngập lâu ngày chảy tháng, thì bảo sao xương cốt không đen sao được. Trai lại hạng quan sang giầu có, *quan tài gỗ tốt*, mả lại đúc xây kín đáo, nước không thể ứ-động *thì xương sắc trắng, sắc vàng là lẽ dĩ nhiên rồi.*

Khâm-liệm (run-choân). Mâm xương rửa sạch, rưới nước hoa, được đưa lên điện Phật nghe kinh trong một ngày một đêm mới đem khâm liệm để nhập-quan-Bên cạnh hài cốt ấy còn có ba mâm xương khác nữa của người quyến-thuộc chết đã lâu, nay bốc mộ để cùng liệu luôn cuộc.

Vì chỉ khâm-liệm hài-cốt, nên [illegible]t-dụng cũng đơn-sơ. Ngoài trải một chiếc chiếu bông, trong giải ai khâm bằng lụa khổ rộng, kế bày ba cái hoành đều khoảng, rồi mới đặt cái tung, lại có đủ cả gối con sáp-nhĩ, tạ-thủ.

Đến giờ nhập-liệm, mấy lão ploucky kính cẩn đốt hương khấn-vái, lặng-lẽ ráp mỗi khúc xương theo thứ-tự từng bộ phận, cái nào chỗ nấy phân-minh, chỉ có đầu-lâu là được phủ-kín không cho ai thấy. Lão thầy cả cầm cành me nhúng vào chén nước nghệ, khẽ rẩy trên bộ xương làm phép tẩy-uế. Xong, họ phủ tung, cột hoành và gấp khâm ghim kim hai đầu gọn ghẽ; họ rưới nước phép lần nữa rồi mới quấn chiếu lại.

Ba hài cốt kia cũng khâm liệm như thế.

Nhập - quan (đặc - cho - masoutt). — khâm-liệm xong, bốn lão ploucky cầm hương đèn theo chân lão youky vừa đi vừa bi-bô tụng-niệm. Họ thành-kính đi ba vòng chung quanh bốn cỗ quan (vì thiên 4 hài cốt tất cả) như lối chạy đàn của thầy chùa ta.

Ngất-ngưởng đứng trên bục son tam-cấp cao quá bụng người, *quan-tài của vong-giả cao lối tám-tấc tây* (không kể nắp), dài hơn thước rưỡi miệng rộng, đáy nhỏ *có chân quỳ ra hai tấc, bốn bề* chạm trổ công-phu theo kiểu Thổ, nắp búp sen, chạm hình tháp tứ giác, trên đỉnh có ba ngù nhọn, đều sơn son thiếp vàng lộng lẫy.

Ba cỗ quan kia cũng một hình-màu thức nhưng ngoài chỉ dán giấy như đồ mã mà thôi.

Theo tay chỉ huy của lão thầy cả, bốn người kia nhanh-nhẹn leo lên bục gỗ dở nắp quan và đặt nhẹ hài cốt vào trong rồi đậy kín lại. Xong đâu đấy, họ lấy giây nhỏ chạy bọc quanh bốn cỗ quan để làm phép yểm trấn quỷ tà.

Giờ, trước mỗi quan-tài đều có một thúng gạo, trên để nồi đất, cuộn vải trắng, một sọ dừa và ít thứ hoa-quả: lương-phạn tiễn chân người chết lên đường về Tây-phương.

Tối đến, mấy nhà sư thuyết kinh cầu-nguyện cho vong-hồn. Chính giữa là ngôi bảo-tọa của vị lục cả già nhất, uyên-bác nhất, an-vị trên ghế cao chạm rồng. Tả hữu có hai ông lục nhì, ngồi trên lưng hai con kỳ-lân to lớn bằng gỗ chạm rất khéo, đều sơn son thiếp vàng. Tiếp theo giọng mở đầu của ba vị lão sư, bọn đệ-tử đồng thanh đọc kinh vang rền khắp điện.

Quan-tài hoãn lại hơn một ngày và một đêm cho kẻ thân bằng quyến thuộc đến tế-lễ phúng-điếu như tục của ta. Chiều hôm sau sẽ khởi sự đưa ra hỏa-đàn.

Hỏa - táng (bô - chya). — Ba hồi trống lớn giỏng lên báo giờ phát-hành.

(Xem tiếp trang 19)

ĐÃ CÓ BÁN :

KHẢO LUẬN VỀ
KIM-VÂN-KIỀU

ĐÀO-DUY-ANH

*

Quyển sách đầu tiên nghiên cứu và bình luận tổng quát về Nguyễn-Du và tác phẩm, có phụ cả *Thanh-hiên thi tập* và *Bắc-hành tạp-lục.*

Giá **2$40**

VĂN HÓA
29, Maréchal Pétain — Huế

Cuộc tu-bổ ngôi mộ Thủ-khoa NGHĨA tác-giả tuồng « Kim Thạch Kỳ Duyên »

LỜI GỌI ĐỒNG BÀO

(Bản chí tiếp được bài này của Hội Khuyến học, Cần thơ, nhờ đăng)

HOA thơm cỏ lạ làm rực-rỡ cho cảnh vườn ; thi-sĩ văn nhân là vinh-dự của một nước. Ai đi qua các xứ văn minh sẽ thấy người ta quí trọng văn-tài đến thế nào. Đây là đền Panthéon ở Paris : bên tả là tượng đồng của Corneille, bên hữu là tượng đồng của J. J. Rousseau, hai thiên-tài chói lọi của nước Pháp. Đây là thành Tours ở tỉnh Touraine : trên bờ sông Loire, trước mặt thành, là hai pho tượng vĩ-đại Rabelais và Descartes, hai người con quí của xứ Touraine, hai ngôi sao sáng trong văn-giới...

Dân Việt-nam ta có tiếng là biết tôn hiền kính sĩ ; thế mà bấy lâu đối với nhiều bực văn-nhân quá cố, hình như lãnh-đạm, bơ-thờ. Cụ Thủ khoa Bùi-hữu-Nghĩa ở làng Long tuyền, tỉnh Cần-thơ, trong khoảng 70 năm nay, đã đành ôm hận nơi chín suối. Rạch Long-tuyền vẫn còn ghi dấu vết của nhà ẩn sĩ với những buổi buông câu. Người Cần-thơ chắc chưa quên những bài thi thâm-trầm và một bổn tuồng ảo-não ?

Cớ sao bấy lâu nay chúng ta đành bỏ hẳn nắm mộ của cụ Thủ-khoa ? Ai có đi qua một sở vườn cách tỉnh-thành Cần-thơ lối bốn cây số, sẽ thấy giữa nơi cây cỏ điu-hiu, một nắm đất dãi-dầu với một tấm bia mờ tỏ. Ấy là nơi cụ Thủ-khoa, nhà thi-sĩ, an giấc ngàn thu. Đứng trước nắm mộ điêu-tàn, hỏi ai là người không động lòng hoài cảm ? Dầu cho con cháu cụ Thủ-khoa rủi gặp cơn sa-sút phải đành xao lãng, dầu cho khách qua đường vì mưu sống phải chịu hững-hờ, còn ai là kẻ hâm mộ văn-chương, ai là người giàu lòng bác-ái, há đành quên một bực tài-hoa ? Tượng đồng, bia đá đã chẳng được như ai, thời ít nữa một ngôi mộ ấm-cúng, trang hoàng, để an-ủy vong-linh người xấu số...

Nay có Hội Khuyến-học Cần-thơ đứng ra lãnh phần tu bổ ngôi mộ ấy. Hội đã được Chánh-phủ cho phép mở cuộc lạc quyên từ đây cho đến cuối Septembre 1943.

Xin quí ngài rán giúp cho cuộc lạc quyên ấy được kết quả mỹ mãn. Trong khoảng bốn tháng đây, *xin quí ngài gởi hoặc đóng tiền cho ông Trần-đắt Nghĩa, thủ quĩ hội Khuyến học Cần thơ.* Đến 30 Septembre 1943, cuộc lạc quyên sẽ khóa sổ. Ông thủ-quỹ nhận thâu số tiền, sẽ giao hoặc gởi biên lai cho ngài, rồi hội Khuyến-học sẽ lần-lượt đăng phương danh những nhà hảo tâm lên mặt báo. Khi ngôi mộ tu-bổ xong, hội sẽ làm một tấm bia để nêu phương danh quí ngài và số tiền quyên, và sẽ mời quí ngài đến viếng mộ.

Hỡi đồng-bào ! Đây là một việc nghĩa rất chánh-đáng ; đây là một cơ hội tốt để tỏ tấm lòng kính quí nhơn tài.

Ban Trị-sự :

HỘI KHUYẾN HỌC CẦN-THƠ

Quán biên thùy

(Tiếp theo trang 11)

lòng dâng lên cuồn cuộn đã thắng những tình cảm nhất thời ấp ủ trong đáy tim mà lưu lại tiếng thơm muôn thuở.

Kết luận

Corneille đã có câu thơ bất hủ :

Pour grands que soient les rois, ils sont ce que nous sommes.

Nghĩa là : Các bậc đế vương dù cao sang đến bực nào chăng nữa, cũng vẫn là người như chúng ta. Tôi muốn nói thêm : xưa nay những bậc anh hùng, liệt nữ cũng vẫn có đủ thất tình như thế nhân.

Cho nên cuộc phân đấu dù về đường tinh-thần hay vật-chất càng gay go thì sự chiến thắng lại càng oanh-liệt. Ta kính phục Kinh-Kha bao nhiêu thì ta lại yêu chàng bấy nhiêu, vì chàng rất gần nhân-loại, ta có thể kết bạn được với chàng nếu sinh cùng nước, cùng thời với ta.

Viết vở Quán biên-thùy ông Thao Thao mong có những vở kịch thơ bằng tiếng Việt, một ngày kia sẽ được đem giảng ở trong các lớp học, dùng làm những bài học thuộc lòng. Nhưng trước khi có cái ngày vẻ vang ấy, chúng ta phải thắp hương cầu nguyện cho nước ta sẽ sản xuất được một nhà soạn bi-kịch như Corneille, Racine, hay một nhà soạn hài kịch như Molière.

Tuy chưa được toàn toàn, nhưng vở Quán biên-thùy đã đem lại cho ta những phút say sưa, mơ mộng..

Ta còn kỳ vọng nhiều ở ngòi bút sắc-sảo, mạnh-mẽ của ông Thao Thao.

HỘI-THƯỞNG

N. B. — Đến 29 Mai 1943, Thanh-niên Tài tử Nghệ-sỹ Liên-hiệp (L'Union des Jeunes Artistes Amateurs) sẽ diễn vở kịch này ở Nhà hát Tây Hanoi, lấy tiền giúp những nạn nhân bị ném bom ở Haiphong.

NGUYỄN-TRIỀU TRUNG-HƯNG CÔNG-THẦN

TRUNG-QUÂN

NGUYỄN VĂN TRƯƠNG

(1740 — 1810)

Số 3 NGUYỄN TRIỆU

QUÂN Tây-sơn tiến sát đến lũy Trấn-ninh. Nguyễn-vương bèn sai quân trên mặt thành bắn súng thần-công ra: quân địch chết hại đến hai nghìn người, song vẫn cứ kéo đến, xô tranh nhau mà leo lên thành đông như kiến.

Quân nhà Nguyễn ở trên núi ném đá xuống làm cho quân Tây-sơn chết hại rất nhiều. Bùi thị-Xuân ngồi trên mình voi, đốc quân vào cố chết mà đánh tự sáng đến chiều cũng chưa chịu lui.

May lúc bấy giờ, thủy-quân của Trương ở ngoài bể, được có gió đông bắc thổi mạnh, xông đến đánh phá tan được đám hải-quân của Tây-sơn bắt được hơn 20 chiếc thuyền chiến và còn thì bỏ chạy cả. Bộ-binh Tây-sơn nghe tin thủy-quân đã bại, cả sợ, vỡ tan mà chạy. Tướng Tây-sơn là Nguyễn văn-Kiên quy-hàng nhà Nguyễn.

Quang-Toản và Bùi thị-Xuân đem đám tàn quân chạy về Bắc và để Nguyễn văn-Thận ở lại giữ đất Nghệ-an.

Sau khi phá tan được quân Tây-sơn ở lũy Trấn-ninh rồi, vua Nguyễn rút quân về Phú-xuân, để Nguyễn văn-Trương ở lại giữ Đồng-hới và Tống phúc-Lương cùng Đặng trần-Thường án thủ Linh-giang.

Mồng 2 tháng 5 năm ấy, Nguyễn-Trương lên ngôi Hoàng-đế ở Phú-xuân đặt niên-hiệu là Gia-long.

Khi ngài cất quân ra đánh ngoài bắc, Trương phụng-mạng điều-vát thủy-binh đi trước, đến cửa Tiền-hải đánh phá tan được thủy-đồn của quân địch: Đô-đốc Tây-sơn là Nguyễn văn Ngô và Nguyễn văn Lực đều thua chạy. Quân nhà Nguyễn thừa thắng, đánh phá tan được đám thủy-quân của Nguyễn văn-Thận, bắt được chiến-thuyền, súng đạn và lương thực rất nhiều, rồi tiến thẳng ra Sơn-nam hạ-trấn (1).

Thống-binh Tây-sơn là bọn Dương thất-Nguyên và Ngô tam-Đồng vốn là bọn giặc-bể, lên bộ cự chiến, Trương thúc quân đánh vào hai mặt, bắt được cả bọn ấy. *Thái-úy* Tây-sơn là Nguyễn văn Thọ phải nộp thành xin hàng.

Tháng 6, vua Gia-long ra đến Thăng-long, bắt được bọn Nguyễn quang-Toản. Tây-sơn từ đấy mới là hoàn-toàn sụp đổ.

Năm Gia-long thứ 2 (1803), Trụng-quân Nguyễn văn-Trương dâng sớ xin cáo lão hồi-hưu, song nhà vua không cho.

Tháng 8 năm ấy, Thánh-giá Bắc-tuần, Trương lại cùng với Nguyễn đức-Xuyên, Lê Chất đem quân đi hộ-giá. Bấy giờ có bọn giặc bể Tề-nguy có hơn 100 chiếc thuyền vào sông Bạch-đằng cướp bóc, Trương lại phụng-mạng hiệp binh với Nguyễn văn-Thành đi tuần-tiễu; giặc được tin phải bỏ chạy cả ra bể.

Tháng hai năm ất-sửu niên-hiệu Gia-long thứ 4, (Février 1804), Nguyễn văn-Trương phụng mạng vào tổng-trấn thành Gia-định thay cho lưu-trấn Nguyễn văn-Nhân, được hai năm thì lại có chiếu triệu Trương về kinh. Đến năm canh-ngọ (1810), Trương từ trần, thọ 70 tuổi.

Vua Gia-long lấy làm thương tiếc vô cùng, tặng cho là Thái-bảo quận-công, lại ban cho một cỗ áo-quan bằng gỗ giáng-hương và một nghìn quan tiền. Hôm đưa đám, Hoàng-đế ngự thuyền rồng ra bến Hương-giang để đưa ma và sai các quan về nhà dự tế.

Đến thời vua Minh-mạng, ông Trương được truy phong là Đoan-hùng quận-công. Ông là người nhân hậu, tuy là võ-quan song không hay giết hại người ta.

Khi còn là tướng của Tây-sơn đánh nhau với quân nhà Nguyễn, có khi quân Nguyễn thua chạy, nhảy cả xuống sông, quân Tây-sơn cầm giáo đâm theo xuống thì ông ngăn lại mà rằng: « Thừa lúc người ta nguy khốn mà đánh, không phải là tài-giỏi. »

Vua Gia-long thường khen rằng Trương làm tướng mà có lòng nhân-từ, ít người được như vậy. Sau khi đã quy-hàng nhà Nguyễn, nhiều phen lập được công to, người ta gọi ông là phúc-tướng. Ông lại cẩn thận và giữ phép, chứ chẳng cậy nhiều công-lao mà khoe khoang điều gì, cho nên tuy là hàng-tướng mà vẫn được vua Gia-long đem lòng quý mến từ trước tới sau, không ai được như thế.

Ông có ba con trai là Huyên, Vân và Ngoạn. Huyên, mất sớm có con để lại tên là Minh làm đến chức Cai-đội. Con Minh tên là Lược, trải làm đến Vệ-úy Tiền phong dinh tập phong tước là Đoan-hùng-Tử.

Vân, khi còn nhỏ, phải tật dị mũi, không nói được rõ, trước cùng cha theo hàng chúa Nguyễn, thường phụng-mạng đi chiêu-dụ

được Đô đốc Tây-sơn là Cúc theo hàng, sau lại theo vua đi đánh, phá tan được đám quân của Phạm văn-Thành, vì có công nên được cất lên làm Trung quân dinh Cai đội. Năm Quý-sửu (1793), Vân lại theo ra đánh Quy nhơn, thuyền gặp gió trôi dạt vào bờ bể, bị bên địch bắt được; sau lại trốn thoát, đi chiêu tập nghĩa-binh, lập nên vệ Chấn-phong theo Nguyễn kế-Nhuận đi đánh giặc mán, rồi lúc về được thăng lên Vệ-úy.

Năm Tân-dậu (1801), Vân lại theo ra đánh Thi-nại, có công đốt phá thuyền địch, tiến đóng ở xã Phương-phi để làm thanh-ứng cho Tống viết-Phúc. Rồi lại theo ra đánh Quảng-nam. Sau khi khắc-phục được Phú-xuân thì Vân được thăng lên làm *Khâm-sai Chưởng-cơ* kiêm quản 5 đồn Trung-quân.

Năm Nhâm-tuất (1802), Nguyễn quang-Toản thua chạy ra Bắc, Vân cùng với Tống phúc Lương đem binh thuyền ra chặn đường, bấy giờ Quang Toản vừa qua được Linh-giang thì quân Nguyễn kéo đến, quân Tây-sơn tan vỡ chạy, quân Nguyễn bắt được 50 chiếc thuyền lương và 700 người.

Đến tháng 8 lại theo phụ-thân ra Bắc hà, đánh đâu được đấy. Lúc Thánh-giá hồi loan, Vân được thăng lên làm Trung-quân Phó-Tướng và trải làm đến *Thần-sách-quân Tiền-dinh Đô-thống-chế*.

Về thời trung-hưng, Vân cũng có lập được nhiều công rực rỡ, sau khi đại-định, lại siêng năng làm việc nước, thực xứng đáng là một người con ở cửa tướng vậy.

Ngoạn là con thứ ba, thủa nhỏ cũng có theo phụ-thân đi chinh-chiến, lập được nhiều công, làm đến Vệ-úy và được kén làm phò mã lấy Bình-Thái công-chúa là con gái lớn vua Gia-long.

Sau trải làm đến Khâm-sai Thống-chế. (Hết)

NGUYỄN TRIỆU

Đón co kỳ tớ · T quân Lê văn Duyệt

(1) Tức là V hoàng (Nam-định).

Tục hỏa táng của người Thổ

(Tiếp theo trang 16)

Đi đầu là chiếc long-đình che lọng, bốn mặt phủ màn, trong ngồi một vị lục cả che quạt đọc kinh. Kế đến những người trong tang-quyến mặc đồ trắng may sồ gấu đi hai bên sợi thừng dài buộc liền long-đình với nhà táng, thường gọi là nhà vàng chạm trổ rất công phu (những vật nầy của tang-chủ làm ra, rồi đám sẽ đem cúng vào chùa tất cả). Linh-cữu đặt trong nhà vàng, bốn hướng có bốn ông lục đứng lâm-râm tụng niệm. Sau rốt là chiếc nhà táng khiên ba cỗ quan nọ.

Cả đoàn chẫm-rãi đi dưới nắng chiều theo tiếng kèn trống buồn rầu của phường bát-âm không mệt - mỏi.

Đến đoàn thiên, đi chung quanh ba vòng mới dừng lại. Bọn đô-tùy khiêng linh cữu đặt trên nền đất khô khan. Những thanh củi tầm dầu « săng » chất đống trước đầu và dưới đáy quan-tài đang chờ đợi mồi lửa. Tang-nhân cùng bọn « thầy chôn-ma » đốt hương đi chung quanh linh-cữu đọc kinh rồi mỗi người đều quăng nắm hương đang cháy dở vào quan-tài đã mở bỏ nắp.

Một hồi trống báo hiệu. Một cây phảo « chuột » từ xa chạy đến xẹt vào đống củi. Lửa cháy bùng lên Bốn cỗ quan để cách khoảng đồng cháy một lượt. Gió thổi bạt ra phía sau, lửa ngùn-ngụt nuốt lấy mấy cỗ quan.

Ngồi trên gió, mấy ông lục ngân-nga đọc bài khóc Phật nghe thảm-đạm.

Vầng tịch dương đã tụt xuống chân trời Đêm tối đưa đến những mảnh sau rung rinh lấp lánh, như để chia buồn cùng tang-gia đều cạo đầu báo hiếu đang đứng trầm ngâm bên đam khói mịt mù.

Chỉ trong ba tiếng đồng-hồ, cả bốn cỗ quan đều cháy rụi. Sau khi ném cái nồi đất vào đống tro tàn làm phép, người nhà xúm lại lượm những mảnh xương trắng vụn rơi bề-bộn trong đám than tro đen đúa. Xương ấy đem rửa sạch đựng vào lọ sành hoặc hộp bạc để đưa ra ngôi tháp cất bên nhà (hay tại chùa) gìn-giữ muôn đời. (Người nghèo thì đem xương gởi trong chùa cả).

Thế là báo-đáp ân-đức sinh thành đã được toàn-vẹn.

***

Trừ những chủng tộc còn dã-man như vài giống mọi châu Phi, châu Úc ăn thịt người hay chặt thây người làm mồi cho điểu-thú, tất cả mọi người trên dương-thế đều kính-trọng người chết, nhất là người chết ấy lại là kẻ đào-tạo ra mình, Dẫu tục lệ mỗi xứ có khác, nhưng ý-nghĩa vẫn như nhau.

Cứ như lòng tín-ngưỡng của nhân-loại, thì người ta tuy chết đi nhưng vẫn còn liên-lạc ảnh-hưởng đến kẻ sống. Bởi thế, kẻ sống chẳng những không bao giờ dám ngạo mạn với người chết mà còn van-vái cầu-khẩn vong-linh ấy về phù-hộ cho mình.

Tưởng-niệm như thế, dân nào cũng chẳng dám khinh thường việc tang-chế. ĐỖ HOÀNG-L

« GỐC TÍCH LOÀI NGƯỜI »

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

ÔNG Nguyễn đức Quỳnh có biên-khảo một quyển sách đề là *Lịch sử thế giới: Gốc tích loài người*, đăng trong *Văn mới*, số 9 và 10, ra ngày 25 tháng tư tây vừa rồi, do nhà Hàn-Thuyên xuất-bản.

Văn viết rõ-ràng mà giản-dị, thật là bổ ích mà hợp-thời: loài người đến lúc mạt-vận, nên nhớ đến « luật tiến-hoá » và « giá-trị con người ».

Những loại sách như thế, chưa ai làm bằng quốc-ngữ, nay quyển này xuất-hiện trước tiên, tất không khỏi sai-nhầm và thiếu-sót. Tôi tưởng, nên nói qua ba bốn chục trang trên, còn ở dưới tác-giả tự đính-chính lấy.

Trang 32 tác-giả viết một câu rằng: « Cũng cùng một quan niệm thiên địa vạn vật nhất thể trong sự thiết định địa vị con người giữa hoàn vũ, cũng cùng một cách hình-dung sự-vật bằng số học (kinh Dịch và học thuyết Pythagore; Lý độc nhất của phái Eléates và Lý-thái-cực của đạo Khổng-phu-tử), lại cũng vẫn cùng một xu hướng đạo đức trong việc tìm chân lý hiểu biết vũ-trụ để tìm ra đạo làm người của Socrate (468-400) và của Nho-gia ».

Nói kinh *Dịch* là số-học và lại ép liền với học-thuyết Pythagore có lẽ dễ nhầm, vì số học là [illegible] toán-học, dùng sang nghĩa [illegible] ta mới thêm là môn học số [illegible]nh.

[illegible]inh *Dịch* do bốn bậc thánh-[illegible]n đời thượng-cổ phát-minh ra cái lý của giời với người: bài biểu của bày-tôi nhà Thanh, tâu vua Khang hy, có câu: « *Dịch-kinh* giả, nãi thượng-cổ tứ đại-thánh triệu-phát thiên nhân chi áo-uẩn ». Trong hệ-từ đức Khổng-tử nói rằng: « Kinh *Dịch* tại, sao làm ra? Là sợ người ta mê đường cát hung, mà phải bảo rõ cái được là cát, cái mất là hung, sợ người ta nhầm đường xu tỵ, mà bảo tốt nên xu, xấu nên tỵ: phàm cái lý giời đất muôn vật, cái số « đầy vơi và mòn lớn » (doanh-hư tiêu-tức) đều đủ cả trong kinh *Dịch*... tóm tắt là cái đường-lối của thiên-hạ » (*Nhật giảng Dịch-kinh*, quyển 16, tờ 28 b).

Như thế là không nói gì đến số-học; nhưng vì có chữ « thiên-địa nhân-vật chi lý, doanh-hư tiêu-tức chi *số* », nên có khi gọi kinh Dịch là lý-*số*; chữ số này khác với số-học là toán-học.

Trang 34, ông Nguyễn-đức-Quỳnh chép « đời nhà Tống (thế kỷ XI) có *phái tượng số học*, do Trần Đoàn và Thiệu-Huy thiết lập, cũng vẫn bắt rễ ở thuyết số học của Nho giáo và Lão giáo ». Chỗ này cũng nhầm và không rõ nghĩa. Nguyên Hoàng-tông-Hy triều Thanh có làm một bộ sách đề là *Dịch học tượng-số luận*, trong bài tựa có mấy câu rằng: « Kinh *Dịch* đến Kinh-Phong và Tiêu-diên-Thọ thì thiên về phương thuật, đến Trần-Đoàn lại rẽ vào đường khác là Đạo-gia (tức Lão-giáo), học-giả thất chân (mất sự thực), Tống-Hy sợ mỗi ngày mỗi thiên xa mãi đi, mới làm bộ sách tượng-số này để trị đến cỗi rễ ».

Như thế càng rõ kinh *Dịch* không phải là số-học, mà chữ « Nho-giáo và Lão-giáo » dùng sai, bởi hai đạo khác nhau. Đáng lẽ đoạn ấy nên viết như thế này thì mới dễ hiểu: « Đầu đời Tống (khoảng năm 960-997, chứ không phải thế-kỷ XI) có nhà tượng-số-học là Trần-Đoàn, nguyên học ở kinh *Dịch* của nho-giáo, rồi rẽ sang đường khác là Lão-giáo ».

Đến những đoạn nói về tiền-sử, ông Quỳnh chỉ chép các nước ngoài, không nói chi đến Đông-Dương.

Những sách của H. Mansuy (*La préhistoire en Indochine. v. v.*) M. Colani (*Notice sur la préhistoire du Tonkin v. v.*) khảo-cứu về xương-cốt và đồ-dùng của thời thạch-khí, đã chia ra từng thời-đại, gọi là thời-đại Bắc-sơn, thời-đại Hòa-bình, v. v. đáng lẽ phải chép vào quyển *Gốc tích loài người* vì có dính-dáng đến các giống nòi ở Đông-dương.

Lại có một thời-kỳ gọi là cự-thạch-bi, là thời-kỳ dùng những khối đá lớn để làm kỷ-niệm hoặc để xây mả: ở hạt Xuân-lộc, tỉnh Biên-hòa, có ngôi mả xây bằng cả tảng đá (xem H. Parmentier, *Vestiges mégalithiques à Xuân lộc*); bên Lào thì ở Trấn ninh có những chụm đá to, có chiếc vài người đứng lọt (xem M. Colani, *Mégalithes du Haut Laos*).

Sau đến thời-kỳ gọi là thanh-đồng thời-đại (xem V. Goloubeur, *L'âge du bronze au Tonkin et dans la Nord-Annam*): ở bên ta có nhiều thứ trống đồng to, chạm khác nhiều kiểu; lại tìm

ĐỌC SÁCH

LE PAYSAN TONKINOIS À TRAVERS LE PARLER POPULAIRE

NGÀY thứ năm 19 Décembre 1929, Hội Địa-Dư Hanoi có tổ-chức một cuộc diễn-thuyết. Diễn-giả, quan Thượng-thư Phạm-Quỳnh đã khéo chọn một đầu-đề vừa hợp với chương-trình truyền-bá của hội, lại rất thích-hợp với trình thế hiện-thời và phong-trào phát triển của văn-chương Việt-nam. Với cái đầu-đề : Le paysan tonkinois à travers le parler populaire » (Người dân quê Bắc-kỳ tả qua nhời van bình-dân), trong 68 trang giấy in, diễn-giả, bằng giọng văn lưu-loát của một ngòi bút linh-động đã khéo trình bày cử-tọa (phần đông là người Pháp) cái tinh thần đặc-biệt của dân-tộc Đại-Việt, và bênh-vực cái tinh-cách thuần-túy của nền văn-hóa cố-hữu của ta ; cái hay, cái đẹp của các câu ca-dao, tục-ngữ.

Trải bao nhiêu đời nay, trong khi các nho-sĩ mải miết về cái học từ-chương để theo đuổi con đường cử-nghiệp, trong khi các thi-sĩ ngâm hoa vịnh nguyệt bằng những câu thơ hán, thì trong dân-gian, có biết bao các nhà văn bình dân hoạt-động một cách êm lặng làm giàu cho cái kho quốc-văn vô giá của ta, bằng những câu ca-dao, tục-ngữ

Ca-dao tục-ngữ là mộ lối văn vần tổ-truyền, mộc-mạc, hồn nhiên, đã vang ra từ những nơi non cao, rừng thẳm, trên giòng sông, mặt biển, trên đồng lúa bao la bát ngát. Ca-dao, tục-ngữ là những tiếng vang dội của đáy lòng người dân-quê chất phác.

Ca-dao, tục-ngữ tiêu-biểu cho cả một đời nông-dân, vỗ-về, khuyến-khích nông dân trong cảnh sinh hoạt nông-tang.

Ca-dao, tục-ngữ là những câu trào-phúng, mỉa mai những đồi phong hủ-tục, những hành-vi phi-pháp và bất công của đời.

Giọng nhẹ nhàng nhưng hùng tráng, bình dị nhưng sâu-xa, những câu ca-dao, tục-ngữ đã giữ vững được cái tinh-thần đặc-biệt của dân-tộc ta, một dân-tộc đã gặp biết bao trở-lực trong cuộc sinh-tồn đời nọ qua đời kia.

Các nhà văn bình-dân vô-danh đã hy-sinh biết bao tâm-lực, đã làm việc trong êm lặng để làm giàu cho cái kho văn-học Nam-Việt.

Được hưởng cái di-sản vô cùng quý báu của tiền-nhân để lại, ta cũng nên duy-trì và tài bồi thêm lên, để mãi mãi ta có thể tự-hào là có một cái tinh-thần đặc biệt.

Quan Thượng Phạm đã khéo mô-tả tính tình dân quê, cuộc sinh-hoạt nông-tang, từ trên lưng con trâu đến cảnh đồng lúa mênh mông bát ngát, từ trong túp lều tranh cho ra đến ngoài lũy tre xanh, đến đâu đều xen những câu phong-dao rất có ý vị Những câu phong-dao đều được phiên-dịch một cách khôn khéo và sát nghĩa. Dịch văn xuôi đã khó, mà dịch vận-văn thực không phải dễ. Đã không dễ mà dịch được sát nghĩa, có thể khiến cho độc giả người Pháp lĩnh-hội được, ta phải phục tài tác-giả.

Ấy nhờ ngòi bút linh-hoạt của tác-giả, mà bấy lâu ta đã tự hào là có một cái văn-hóa cố-hữu, lại càng thêm vinh-dự được người ngoại-quốc biết tới cái kho văn-học độc-nhất vô song của ta.

14 năm qua ! Bài diễn-văn « Le paysan tonkinois à travers le parler populaire » của quan Thượng Phạm vẫn giữ nguyên giá-trị và gần đây được Thư xã Alexandre de Rhodes xuất-bản thành sách.

Sách dày 68 trang, bìa vẽ và trong có nhiều tranh ảnh của họa-sĩ Mạnh-Quỳnh, trình bày mỹ-thuật, giá 0$80.

Xin cảm tạ Thư-xã Alexandre de Rhodes đã tặng sách và xin giới-thiệu với độc-giả Tri-Tân một tác-phẩm quý giá.

NHẬT-NHA

Ứng Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

thấy những mũi tên và các vật dụng bằng đồng hiện bày ở viện bảo-tàng Hà-nội (Musée Louis Finot) và Sai-gòn (Musée Blanchard de la Brosse).

Kể ra quyển *Gốc tích loài người* còn có nhiều chỗ sai-nhầm thiếu-sót ; nếu viết mãi thì hình như « bới lông tìm vết ». Tôi chỉ nói thêm một câu rằng : quyển này tuy có nhiều đoạn rõ-ràng, nhưng cũng có nhiều đoạn kém. Đáng lẽ những sách nói về khoa-học, phải dùng những chữ thông-dụng dễ hiểu ; ông Quỳnh viết nhiều câu dài quá và dùng nhiều chữ quá (như mấy câu tôi đã dẫn trên kia ở trang 31-32) ; nhiều chữ nho mà lại theo văn tây thành ra khó hiểu.

Tuy vậy, quyển này cũng như người lính tiên phong, dầu được hay thua cũng là có công to đấy.

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 20

NGUYỄN HUY TƯỞNG

LƯƠNG Ngự-sử nói :

— Quận chúa bảo, chúng tôi đâu dám không nghe, chỉ nghĩ Chúa-thượng đã giao-phó cho việc bảo-hộ Quận-chúa, nay thấy biến lại bỏ đi không những chúng tôi hổ với tâm-linh, mà còn lỗi đạo thần tử. Chúng tôi sống chết xin ở đây.

Khê trung hầu cũng nói :

— Quận-chúa đừng lo cho chúng tôi. Đây là lúc chúng tôi báo ân Chúa thượng. Xin Quận chúa cứ để mặc chúng tôi xử-trí.

Hai vị đại thần vừa xuống thì cửa lầu vừa đổ, lũ vô-lại ùa-ùa vào, Đặng-Lân đi trước. Hắn cười đắc-sách :

— Ta đã bảo mà, hai thằng già dại thì chết.

Khê trung-hầu thét :

— Đây là nơi Quận-chúa ngự. Chúng bay kéo ra ngay ; Chúa-thượng không dong những quân phiến loạn.

Một trận cười khinh bỉ đáp lại nhời nói của Khê trung-hầu. Đặng-Lân chỉ vào hai vị đại-thần, nói một cách ngạo-nghễ :

— Chúng bay đã biết uy cậu Trời chưa ? Nay chúng bay đã ở trong tay tao quỳ xuống chịu tội thì cũng được tha cái chết.

Lương Ngự sử quát :

— Bước ngay, quân vô-lại. Ta đường-đường một chân khoa-bảng, một vị đại-thần, trừ Chúa thượng, ai bắt ta quỳ được ?

— Tao bắt được. Mày có quỳ không ?

— Ra ngay, vào đây là mua lấy cái chết.

— Mày nỏ mồm, cậy có Chúa-thượng mà sấc láo với tao sao ? Bay đâu, trói cổ nó lại !

Khê trung-hầu nói :

— Phò mã không được làm càn. Trói vị đại-thần, đại diện không phải nhỏ.

Tên hoạn quan kia, tao trói cả mày, xem Chúa-thượng có nói gì không. Bay đâu, trói cổ hai thằng già cho chúng bớt thói ngang ngạnh !

Đặng Lân nói xong, sấn-sổ lên lầu. Lương Ngự-sử cản lại, sẵn tay cầm chiếc hốt, giáng mạnh vào mặt Đặng-Lân. Tránh không kịp, bị hốt đánh vào trán, hắn gầm lên, nghiến răng nói :

— Thế thì mày phải chết. Bay đâu, đánh nhừ tử thằng giặc già này cho tao.

Chúng xông vào. Lương Ngự-sử vốn có sức khỏe, tả xông hữu đột, chống cự rất hăng-hái. Khê trung-hầu định ra giúp bạn, lại sợ để ngỏ lối lên lầu. Đang lúng túng, thì Đặng Lân sấn lại Hầu nói :

— Phò mã không được lên.

Lân điên tiết, hỏi :

— Mày điên sao ? Đã đến nước này còn bướng hão.

Khê trung hầu bỗng rú lên một tiếng. Một tên vô lại bổ một tay thước trúng giữa đầu Lương Ngự-sử, khiến cho vị đại-quan ngã xuống, chỉ kêu được một tiếng :

— Chúa-thượng muôn năm.

Lũ đầu trâu mặt ngựa xúm vào, dần vị đại thần túi bụi, không tiếc tay.

Khê-trung-hầu giọt lệ ròng-ròng, nói một mình :

— Chúa-thượng ơi ! Hạ thần cũng xin theo gương quan Ngự sử để đáp ân Chúa-thượng.

Đặng-Lân hất hàm hỏi :

— Còn thằng hoạn-quan này, đã biết đời chưa ?

Khê-trung-hầu nghiến răng nói :

— Tội ác chúng bay tầy trời, tao vui lòng chết, nhưng chết để báo oán chúng bay, để trả thù cho những kẻ bị chúng bay ức-hiếp, để trả thù cho bạn ta. Chúa-thượng ơi ! Thần xin vĩnh biệt.

Hầu thu hết sức già, thoi một quả đấm rất mạnh vào mặt Đặng Lân. Hắn tránh được, và nhanh chân, đá một cái vào giữa bụng viên thái-giám ấy.

Khê-trung-hầu ôm bụng, ngồi xụp xuống. Đặng-Lân tức giận, giằng một chiếc gậy trong tay một tên gia-nhân, vụt tới-tấp vào đầu, vào vai, Khê trung-hầu, hằn-học nói :

— Mày muốn chết thì cho mày chết.

Quận-chúa đã mấy lần định xuống lầu. Nàng chắc rằng Đặng-Lân và bọn vô lại sẽ nể nàng hơn. Nhưng nàng không có đủ can-đảm, vả Ái-Thi, Ái-Nhạc cứ giữ chặt lấy nàng, không cho nàng đi một bước. Sự dâm-dật và thái độ hung-ngược của Đặng-Lân làm cho nàng ghê tởm và lo cho chính thân nàng. Nàng xót-xa nghĩ :

— Đó là chồng thiếp đấy ư ? Trời hỡi trời ?

Ái-Nhạc bỗng níu lấy áo Quỳnh-Hoa :

— Chúng nó đánh quan Ngự-sử vỡ óc chết rồi ! Quận-chúa ơi ! Khê-trung-hầu cũng chết mất !

Quận chúa bưng mặt, oà lên khóc. Hai con Ái-Thi, Ái Nhạc thương chủ và lo sợ cũng ôm lấy Quận-chúa mà khóc.

Rèm gấm rung-rinh. ba người ôm chặt lấy nhau, cùng hét lên một tiếng hãi-hùng. Đặng Lân cười khanh khách, rùng-rợn như tiếng cười yêu-ma. Hắn nói :

— Quận chúa đâu, ra đây cùng tôi nói chuyện.

Thấy Quỳnh-Hoa không nói gì, Đặng-Lân bước lại. Ba người thiếu nữ lại rú lên, như đứng trước một

hiện tượng hãi hùng. Họ chúi mặt vào nhau, không dám nhìn ra phía trên gần Đặng-Lân đã tới gần : họ không tự chủ được nữa, đẩy nhau chạy nối đuôi nhau theo Quận chúa :

— Quận-chúa ! Quỳnh-Hoa em ! Em không phải sợ.

Quỳnh-Hoa đã đi cả chân lại. Lân đã nâng được giây lưng nàng. Quận chúa không còn hồn vía nào nữa, nàng hét lên một tiếng, ngã gục xuống, mê man bất tỉnh nhân sự. Đặng Lân ôm nàng vào trong bọc Hắn ngắm khuôn mặt ngây thơ và miệng hoa kiều-diễm. Tay cục mịch đưa lên mơn-trớn đôi má nhung. Cả cái thú-tính trong người con sắc quỉ nổi dậy, hắn ghì chặt cái thân hình đài-các, say-sưa với hương thơm của son phấn, và vẻ dịu-dang của sắc đẹp. Mắt Đặng-Lân đầy một vẻ thèm-thuồng, như mắt một đứa trẻ trước một trồng quả ngọt. Hắn nắm bàn tay nhỏ nhắn và trắng muốt, cúi xuống hôn vào má nàng chùn chụt, như con lợn liếm.

(Còn nữa)

NGUYỄN HUY TƯỞNG

Kỳ sau :

Việc thâu phục nước Thủy-xá và Hỏa-xá
HOÀI DŨNG

Phê-bình quảng-cáo
KIỀU THANH-QUẾ

Kadôp và Kadoek (chuyện xưa chàm)
Mãn khánh DƯƠNG KỲ

Phê-bình « Nhà văn hiện đại » (quyển hai)
KHIẾT-PHỦ viết

Tiểu Học Đông-dương

(Tiếp theo trang 9)

là phận-sự anh em ta. Vậy anh em phải gắng lên, vì hiện nay tuy có điều mừng mà cũng còn phải lo vì thiên-hạ còn có kẻ làm an tiếng An-nam, kêu cho cai tội nghèo, nghèo khôn nghèo nạn, nghèo cho đến nỗi không đủ mà dạy được trẻ con nhà quê, phải lấy chữ tây thế vào !

« Gần đây tôi có vận-động trong báo tây — vì báo ta vô hiệu — để xin lấy chữ quốc-ngữ dạy các trường tiểu-học và cho thi tốt-nghiệp tiểu-học bằng quốc-ngữ ; người ta lấy cái tội nghèo của tiếng An-nam mà phan-đối lại.

« Tiếng An-nam có quả nghèo không ? Anh em ta phải phá cho ra cái nghi-án thiên-cổ đó !»

Đây là mấy câu trích ở những bài của ông Nguyên phan Long trong báo « Echo Annamite » năm 1922 :

« Chữ quốc-ngữ là một cơ quan phổ-thông rất mầu-nhiệm, để phổ-thông trong đám dân Việt-nam và trong tiếng tổ-quốc dân ấy, cái khoa-học và cái tư-tưởng của nước Pháp mà hiện nay họ còn chưa biết... (Còn nữa)

NGUYỄN NHÂN

Giới thiệu

Thi hào Tagore của *Nguyễn văn Hai* giá 4$80 do Tân-Việt xuất bản.

Sách dày 400 trang, bìa in hai màu và cách trình bày có mầu sắc đặc-biệt Á-đông.

Nội dung cuốn sách chia làm năm phần : Thời kỳ phục hưng của xứ Bengale — Sự thai nghén một thiên tài — Thơ Tagore — Tư tưởng Tagore — Hoà bình viện — Cuối sách thêm mục : Tham khảo thơ loại.

Sách viết rất công phu và dày công khảo cứu : đáng khen. Tác giả đã dùng một phương pháp rành mạch phân tích thơ Tagore để cố hiểu nhà đại thi-hào ấy của Ấn-độ.

Nhiều tài liệu của tác-giả phần nhiều chưa ai nói đến bằng Quốc-văn. Tác-giả đã đọc được nhiều bản dịch thơ Tagore bằng Pháp văn nên thường dẫn chứng để độc giả dễ hiểu.

Thật là một cuốn sách dày có thể khiến độc giả thấu rõ tâm hồn huyền bí và cao cả của Tagore. Chúng tôi xin vui lòng giới thiệu cùng bạn đọc và mong ông Nguyễn văn Hai sẽ được giới trí thức hoan nghênh.

MẠNH-PHAN

Là người Việt-Nam ai cũng nên dùng :

Dầu hỏa Việt Nam hiệu Thiên Thần

do cha Chúc chánh xứ Tựu-Liệt Văn-điển (Hà-đông) sáng chế.

Thắp rất sáng, không khói, không nhờn, không hao, bấc không rắn lại, ngọn đèn không lụt đi

Dùng vào đèn dầu tây cũ. — Giá rất hạ.

Mua buôn, mua lẻ, xin hỏi **Agence Générale pour l'Indochine** là Tổng-Phát-Hành ở số nhà 58bis, phố Huế — Hanoi giây nói số 494

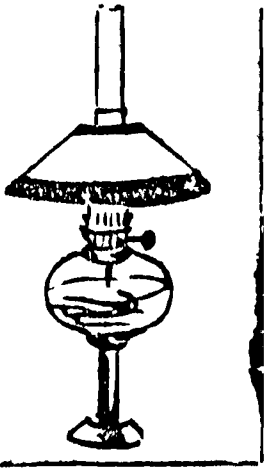

Sách của thư-xã

Alexandre de Rhodes

ĐÃ XUẤT BẢN

Thơ Ngụ ngôn La Fontaine

Bản dịch của ông NGUYỄN-VĂN-VĨNH, có cả Pháp văn đối chiếu.
150 trang đều có tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH
Bìa 3 màu, khổ 17×23.
Bản thường 1$00 — Bản giấy Đại La 5$00

KIM-VÂN-KIỀU, tome I

Bản dịch và chú thích của ông Nguyễn-văn-Vĩnh
350 trang khổ 17×23
Bản thường 2$00 — Bản giấy Verjé bouffant 7$00

Lược-khảo Việt-Ngữ

của ông Lê-văn-Nựu
Ngót 100 trang khổ 12×17
Bản thường 0$50 — Bản giấy giò 4$00

—*—

ĐÃ XUẤT BẢN

LE PAYSAN TONKINOIS

à travers le parler populaire

Bản Pháp văn của ông PHẠM-QUỲNH
100 trang, cả tranh ảnh của MẠNH QUỲNH
Bìa 2 màu, khổ 17×23
Bản thường 0$80 — Bản giấy Đại la 5$00

Tổng phát-hành **Mai-Lĩnh**

21 Rue des Pipes — Hanoi

NHỮNG SÁCH CỦA

LÊ-THĂNG XUẤT BẢN

Imprimerie du Nord

133, Rue du Coton, Hanoi

1°) Tiểu học Việt nam văn giáo khoa thư Nguyễn-quang Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y ( ) 1p.25
2°) *Việt nam văn phạm*, Trần-trọng-Kim 3.50
3°) *Grammaire Annamite*, Trần-trọng-Kim 4.50
4°) *Phật lục*, Trần trọng Kim 0.80
5°) *De Hanoi à la Courtine*, Phạm-duy Khiêm 1.50

Đang tái bản

Nho giáo, Trần trọng-Kim, 5 quyển. Sách in làm 2 loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy Đò. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước

— Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15%.

MUỐN HIỂU ĐẾN NƠI ĐẾN CHỐN

MỘT DANH-TỪ,
MỘT THÀNH-NGỮ,
MỘT MÔN HỌC THUẬT

Các bạn cần phải đọc tập tài liệu

BÁCH KHOA ĐẠI-TỪ-ĐIỂN

của Quốc-Học Thư-Xã

Đón coi : tập SỬ-HỌC
của cụ Lại Bộ PHẠM-QUỲNH

Đã có bán

ÓC KHOA HỌC

CUỐN ĐẦU TRONG BỘ

SỨC KHỎE TINH THẦN

của P. N. KHUÊ

Giá : 2$20

Bằng một lối văn dễ dàng, sáng sủa, tác giả bộ « *Sức khỏe mới* » dẫn các bạn đi tìm Óc khoa học tức là một lối nhận xét, một lối nghĩ, một lối xử trí thích hợp nhất với đời sống phiền-tạp ngày nay.

❖

Mua 1 cuốn xin gửi tiền trước, kèm 0$40 đảm bảo về ông giám đốc.

HÀN THUYÊN XUẤT BẢN CỤC
71 Tiên Tsin — Hanoi

PHÁP TRI-TÂN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur : Nguyễn-Tường-Phượng Administrateur Gérant : Dương Tụ-Quán
Imp. Tri-Tân — 70, Bạch-Mai Hanoi